



CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN & VAI TRÒ CỦA KHỐI PHI CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM



PUBLISHING HOUSE OF TRANSPORTATION

Ban Biên soạn:

TS. Dương Thanh An (Bộ Tài nguyên và Môi trường - MONRE)
Nguyễn Thùy Anh (Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế - IUCN)
Bùi Thị Thu Hiền (Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế - IUCN)
Lê Thị Vân Nga (Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường - ISPONRE)

Thiết kế:

Heart&Mind

Bài viết thể hiện quan điểm riêng của tác giả, không nhất thiết phản ánh quan điểm của Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường và các đối tác liên quan.

Ảnh trang bìa:

Lực lượng dân lập thu gom rác có thể tái chế tại bãi rác Cẩm Hà, Hội An, tỉnh Quảng Nam
Ảnh: IUCN Việt Nam



Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (ISPONRE)

Số 479, Đường Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam

Tel: +8424 37931627 | **Fax:** +8424 37931730

Web: www.isponre.gov.vn



Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN)

Tầng 1, nhà 2A, Khu ngoại giao đoàn Vạn Phúc

298 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Tel: +8424 37261575/6 | **Fax:** +8424 37261561

Web: www.iucn.org/vietnam



*Ấn phẩm được xuất bản với sự hỗ trợ của Dự án COMPOSE
(Xây dựng trung tâm quan trắc nhựa trong môi trường và xã hội ở Việt Nam).*

Hà Nội, tháng 3 năm 2021

Mục lục

04 TIN TỨC

07 NGHIÊN CỨU

- 07 Chính sách pháp luật và quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong hoạt động tái chế chất thải rắn.
- 12 Tổng quan về khu vực tái chế phi chính thức tại Việt Nam - thực tiễn và vai trò trong hoạt động quản lý chất thải rắn.
- 19 Làng nghề tái chế chất thải - loại hình và tác động môi trường.
- 24 Chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị Việt Nam và lực lượng phi chính thức tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- 30 Suy nghĩ lại về vai trò của khu vực phi chính thức trong nền kinh tế tuần hoàn chất thải rắn ở Việt Nam.

40 TRAO ĐỔI

- 40 Nỗ lực giải quyết vấn đề rác thải nhựa tại thành phố Hà Nội.
- 43 Tâm sự của những người thu gom rác dân lập.

Hội thảo “Hoàn thiện hệ thống chính sách về quản lý rác thải nhựa tại Việt Nam”

Ngày 08/12/2020, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (ISPONRE) phối hợp với Viện Hanns Seidel Foundation (HSF) tổ chức Hội thảo **“Hoàn thiện hệ thống chính sách về quản lý rác thải nhựa tại Việt Nam”**. PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ - Viện trưởng chủ trì Hội thảo. Hội thảo đã thu hút sự quan tâm và tham gia của đại diện các Bộ/ngành, các tổ chức phát triển và cơ quan nghiên cứu.

Tại Hội thảo, PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ đã nhấn mạnh đến thói quen dùng sản phẩm nhựa trong đời sống con người và những tác hại nghiêm trọng của nó đối với môi trường. Trong cuộc sống, các sản phẩm từ nhựa, ni-lông đã mang lại không ít tiện ích và trở thành một phần không thể thiếu. Việt Nam là 1 trong 5 quốc gia có lượng rác thải nhựa lớn nhất thế giới, góp phần tạo ra 8 triệu tấn rác thải nhựa trên các đại dương mỗi năm. Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc, kể từ thập niên 50 của thế kỷ trước, hơn 8,3 tỷ tấn sản phẩm nhựa đã được sản xuất, sử dụng, trong đó khoảng 60% lượng sản phẩm đó được chôn lấp hoặc thải thẳng ra môi trường. Tuy nhiên, rác thải nhựa với đặc tính của mình đã và đang gây hại cho môi trường, ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe con người và các loài động vật.

Ô nhiễm rác thải nhựa đã trở thành vấn đề toàn cầu. Giảm thiểu chất thải từ nhựa, ni-lông đã trở thành yêu cầu cấp bách ngay lúc này, trước hết cần giảm thiểu tiêu thụ các sản phẩm nhựa và ni-lông khó phân hủy.



Các đại biểu tham gia Hội thảo | Ảnh: ISPONRE

Giảm khối lượng chất thải thông qua Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất: Một hành trình mới bắt đầu tại Việt Nam



Đại diện Tổ công tác EPR tham gia hội thảo | Ảnh: IUCN Việt Nam

Ngày 17/11/2020, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, trong đó quy định Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) với các doanh nghiệp tại Việt Nam. Điều này có nghĩa là các nhà sản xuất và nhập khẩu hiện nay phải chịu trách nhiệm đến giai đoạn sản phẩm trở thành rác thải.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Cơ chế Quốc gia về EPR (EPR NP) do Vụ Pháp chế (DLA) phụ trách để xây dựng Chiến lược và Kế hoạch hành động EPR quốc gia. Các chi tiết thực hiện sẽ được quy định tại nghị định về EPR.

Để hỗ trợ quá trình này, IUCN và DLA đã tổ chức hội thảo tại Hà Nội vào ngày 19/11/2020. Mục đích của hội thảo là trình bày Điều khoản tham chiếu và kế hoạch hành động của EPR NP và đề cương của báo cáo quốc gia EPR mà DLA đang chuẩn bị. Tham dự có đại diện từ ISPONRE, IUCN, WWF, Hiệp hội Tái chế Rác thải Việt Nam, Unilever, La Vie, Tetra Pak, Coca-Cola và Friestland Campina.

EPR sẽ áp dụng cho 6 ngành hàng: thực phẩm và đồ uống, hàng điện tử, lốp xe, pin, chất bôi trơn và xe điện.

Theo luật mới, các doanh nghiệp có thể thực hiện EPR theo 1 trong 3 cách: (1) tự tái chế, (2) tái chế thông qua Tổ chức Tái chế Sản phẩm bên thứ ba (PRO) và (3) đóng góp tài chính cho Quỹ Môi trường Việt Nam (VEF).

EPR được xây dựng nhằm giảm chi phí quản lý cuối vòng đời của các sản phẩm bằng cách giảm tổng lượng chất thải và tăng tỷ lệ tái chế, do đó đóng góp vào mục tiêu mới do Thủ tướng Chính phủ đặt ra là giảm 80% lượng chất thải đến các bãi chôn lấp vào năm 2025. EPR có tiềm năng tạo ra các cơ hội kinh tế mới và chia sẻ gánh nặng tài chính trong việc quản lý chất thải rắn một cách công bằng hơn. Cùng với DLA, IUCN sẽ tiếp tục hỗ trợ quá trình tham vấn về xây dựng dự thảo nghị định EPR.



Người thu gom rác dân lập và phương tiện vận chuyển thô sơ tự chế | Ảnh: Hoài Linh

Thành phố Hồ Chí Minh: Chuyển đổi lực lượng thu gom rác dân lập đạt 88,5%

Theo Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, 7 tháng đầu năm 2020, các quận huyện tiếp tục tổ chức, sắp xếp lại lực lượng thu gom rác dân lập tại địa phương, vận động thêm 502 đường dây thu gom rác dân lập vào các hợp tác xã (HTX) hoặc doanh nghiệp, nâng tổng số đường dây thu gom rác dân lập lên 2.366 đường dây, tỷ lệ chuyển đổi là 88,5%.

Báo cáo của UBND 24 quận huyện, 7 tháng đầu năm 2020, thành phố có 35 HTX, 170 công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh môi trường và hiện còn 308 tổ/đường dây thu gom rác dân lập chưa có tư cách pháp nhân. Đối với việc chuyển chuẩn hóa phương tiện thu gom, thành phố cũng đã đạt được những kết quả nhất định. 7 tháng đầu năm 2020, UBND 24 quận, huyện rà soát, chuyển đổi thêm 163 phương tiện thu gom, vận chuyển.

Tổng số phương tiện thu gom hiện hữu của thành phố là 6.776 phương tiện (gồm 3.311 phương tiện đạt chuẩn và 3.465 phương tiện không đạt chuẩn), nhu cầu chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển mới là 1.943 phương tiện (gồm 1.041 thùng 660L và 902 xe ô tô chở rác) với nhu cầu vốn vay Quỹ Bảo vệ môi trường khoảng 404 tỷ đồng. Từ khi triển khai Chỉ thị 19 đến nay, thành phố đã chuyển đổi được 693 phương tiện thu gom, vận chuyển.

(Nguồn: Sài Gòn Giải phóng online)

Chính sách pháp luật và quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong hoạt động tái chế chất thải rắn

ThS. Nguyễn Minh Khoa
Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường

Tóm tắt

Nhiều chính sách, pháp luật về quản lý chất thải rắn (CTR) và các hoạt động tái chế, tái sử dụng CTR đã được xây dựng và ban hành trong thời gian qua, tiêu biểu như:

- Chiến lược quốc gia và về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn 2050;
- Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn 2030;
- Luật Bảo vệ môi trường (2014) và Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi (2020);
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu.

Cùng với việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, công tác quản lý nhà nước về CTR cũng được quan tâm, chú trọng và tích cực thực thi, đem lại nhiều kết quả khả quan trong việc quản lý và tái chế CTR, như:

- Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt đô thị tăng từ 78% năm 2008 lên 85% năm 2015;
- Dịch vụ thu gom đã được mở rộng tới các đô thị loại V và các điểm dân cư nông thôn;
- Bước đầu thực hiện xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý CTR...

Cùng với chính quyền ở Trung ương, các chính quyền địa phương và các doanh nghiệp, hộ sản xuất cũng tích cực trong việc quản lý chất thải và nâng cao tỷ lệ tái chế CTR trên địa bàn.

Mặc dù vậy, việc quản lý và tái chế CTR đang còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức. Việc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế CTR chưa đạt như mong đợi. Chất thải sinh hoạt ở nhiều khu vực nông thôn đặc biệt vùng sâu, vùng xa có tỷ lệ thu gom thấp, chưa được cải thiện trong nhiều năm qua, chôn lấp không hợp vệ sinh; các biện pháp ngăn chặn chất thải từ túi ni-lông khó phân hủy chưa đạt nhiều kết quả. Việc tổ chức triển khai quy hoạch quản lý CTR đã phê duyệt tại các địa phương còn chậm. Đầu tư cho công tác quản lý chất thải còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

Trong thời gian tới, bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung khung chính sách, pháp luật về quản lý và tái chế CTR, cũng cần có các giải pháp đồng bộ về nâng cao hiệu quả quản lý, đầu tư nguồn lực, thu hút vốn xã hội và tuyên truyền, nâng cao nhận thức để cải thiện thực trạng hiện nay.

1. Khung chính sách, pháp luật về quản lý tái chế chất thải rắn

Liên quan đến hoạt động quản lý CTR, chất thải nguy hại (CTNH) và các hoạt động tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải, nhiều cơ chế chính sách liên quan đã được ban hành:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;
- Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi (được thông qua tại kỳ họp Quốc hội ngày 17/11/2020);
- Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu...

Cùng với đó là các chính sách thu hút nguồn lực thực hiện, quy định về quản lý các loại chất thải đặc thù được ban hành như:

Chính sách	Ngày	Mô tả
Nghị định số 19/2015/NĐ-CP	14/02/2015	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
Quyết định số 1196/QĐ-TTg	23/7/2014	Đề án huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý CTR sinh hoạt
Quyết định số 31/2014/QĐ-TTg	05/5/2014	Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng CTR tại Việt Nam
Quyết định 582/QĐ-TTg	11/4/2013	Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni-lông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020
Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg	22/5/2015	Quy định về thu hồi sản phẩm thải bỏ
Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT	31/12/2015	Quản lý chất thải y tế
Thông tư số 08/2017/TT-BXD	16/5/2017	Quản lý chất thải xây dựng
Quyết định số 452/QĐ-TTg	12/04/2017	Phê duyệt Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng...
Chỉ thị 33/2020/CT-TTg	20/8/2020	Tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa
Quyết định số 2149/QĐ-TTg	17/12/2009	Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

Theo đánh giá của Bộ Xây dựng về kết quả thực hiện Chiến lược năm 2017¹ cho thấy:

- Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt đô thị tăng từ 78% năm 2008 lên 85% năm 2015;
- Dịch vụ thu gom đã được mở rộng tới các đô thị loại V và các điểm dân cư nông thôn;
- Bước đầu thực hiện xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý CTR (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Buôn Mê Thuột, Thừa Thiên - Huế...);
- Lượng CTR được chôn lấp trực tiếp tại các bãi chôn lấp khoảng trên 60%; còn lại được xử lý bằng các công nghệ đốt, làm phân compost, tái chế ni-lông...;

Tổ chức triển khai đầu tư xây dựng Khu xử lý CTNH tại Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội và Tân Thành, Thủ Thừa, Long An; Thực hiện phân loại tại nguồn cho hầu hết các bệnh viện và trung tâm y tế của các đô thị loại III trở lên; Xây dựng và lắp đặt nhiều lò đốt CTR (sinh hoạt, y tế, công nghiệp; công suất từ 5-400 tấn/ngày).

2. Quản lý nhà nước về chất thải và tái chế chất thải

Về *quản lý CTR công nghiệp*: Hầu hết các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTR để thực hiện việc xử lý chất thải sản xuất của mình.

Về *quản lý CTR nguy hại*: Việc thực hiện quản lý CTNH tại nhiều địa phương đã được thực hiện khá tốt, đặc biệt tại các tỉnh có nhiều KCN như Bình Dương (cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải cho 2.997 cơ sở sản xuất, kinh doanh với tổng lượng phát thải đăng ký khoảng 32 tấn/ngày), Đồng Nai (tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 95,7%), Hà Nội... Các chủ nguồn thải đã thực hiện đăng ký với cơ quan quản lý (Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường) cũng như các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý. Tính đến năm 2015, Bộ Tài nguyên Môi trường đã cấp Giấy phép xử lý CTNH cho 85 đơn vị (phạm vi hoạt động cấp vùng liên tỉnh).

Về *quản lý chất thải y tế*: Công tác quản lý chất thải y tế đã được ngành y tế và các địa phương tổ chức thực hiện khá đồng bộ, hiệu quả. Theo tổng hợp báo cáo tại các địa phương, hầu hết các cơ sở y tế, bệnh viện đã thực hiện việc phân loại chất thải tại nguồn, xử lý chất thải y tế phù hợp. Các chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý bằng các lò đốt tại các bệnh viện lớn hoặc tại các cơ sở xử lý tập trung trên địa bàn.²

Về *tái chế CTR*: Theo báo cáo của Tổng cục Môi trường³ nhiều dự án thu gom, tái chế CTR đã được các Bộ, ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp, dân cư chung tay góp sức thực hiện thông qua các chiến lược, chương trình lớn như Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050; Chương trình đầu tư xử lý CTR giai đoạn 2011 - 2020; Chương trình hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích. Bên cạnh đó, các Bộ, ngành, địa phương đã chủ động triển khai nhiều dự án về thu gom, tái chế, xử lý CTR sinh hoạt; Các cơ sở xử lý CTR sinh hoạt đã nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nhằm đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường với mục tiêu giảm tỷ lệ chôn lấp, tăng tỷ lệ tái chế.

^{1,2} Bộ Xây dựng, 2017, Báo cáo về việc thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

³ Tổng cục Môi trường, Báo cáo Tình hình thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.



Đại sứ Mỹ Ted Osius tham gia chương trình kiểm toán rác thải và thu gom rác trên Vịnh Hạ Long do IUCN và các đối tác tổ chức | Ảnh: IUCN Việt Nam

3. Nhận định chung

► Kết quả đạt được

Các dự án xử lý nước thải đô thị đã được quan tâm đầu tư, đã có những bước tiến trong quản lý CTR với tỷ lệ thu gom tăng từ 80-82% năm 2010 lên 85,5% năm 2017; tỷ lệ CTR phải chôn lấp giảm hơn so với năm 2012; bước đầu đã triển khai thu hồi năng lượng từ chất thải.

Đối với quản lý CTR, CTNH, một số cơ chế, chính sách mới về sản xuất điện từ chất thải; quản lý chất thải xây dựng; kiểm soát chất thải từ túi ni-lông; thu hồi sản phẩm thải bỏ; sử dụng tro xỉ nhiệt điện... đã được ban hành; Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 đã được điều chỉnh (Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018). Các quy hoạch quản lý CTR tiếp tục được rà soát, cập nhật⁴; đã có 19/20 địa phương thuộc 3 vùng kinh tế trọng điểm đã phê duyệt quy hoạch.

Đã triển khai các dự án xây dựng 7 khu xử lý CTR liên tỉnh theo Quy hoạch xây dựng khu xử lý CTR 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020 với tổng kinh phí 9.683 tỷ đồng. Đến nay, dự án xây dựng Khu xử lý Nam Sơn - Sóc Sơn, Hà Nội đã hoàn thành giai đoạn 1; dự án xây dựng Khu xử lý Cát Nhơn - Phù Cát, Bình Định, Khu Công nghệ Môi trường xanh - Long An, Khu xử lý Tây Bắc Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh đã bước đầu được triển khai.

Tại các địa phương, thực hiện Chương trình xử lý CTR giai đoạn 2011-2020, đến nay đã có 26 dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTR tập trung được hoàn thành⁵.

Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt đô thị đã tăng từ 80-82% năm 2010 lên 85,5% năm 2017; dịch vụ thu gom đã được mở rộng tới các đô thị loại V và các điểm dân cư nông thôn; đã thực hiện xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý CTR ở một số địa phương⁶ lượng CTR sinh hoạt đô

⁴ Quy hoạch quản lý CTR vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 đã được phê duyệt (Quyết định 1979/QĐ-TTg ngày 14/10/2016). Hiện nay Bộ Xây dựng đang rà soát, cập nhật các quy hoạch quản lý CTR các vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và miền Nam.

⁵ Trong đó có 3 cơ sở xử lý sử dụng công nghệ đốt, 11 cơ sở xử lý sử dụng công nghệ sản xuất phân hữu cơ, 11 cơ sở xử lý sử dụng công nghệ sản xuất phân hữu cơ kết hợp với đốt, 1 cơ sở xử lý sử dụng công nghệ sản xuất viên nhiên liệu.

⁶ Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Buôn Mê Thuột, Thừa Thiên - Huế... tổ chức triển khai đầu tư xây dựng Khu xử lý chất thải nguy hại tại Khu liên hợp xử lý chất thải ở Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội và Tân Thành, Thủ Thừa, Long An.

thị được chôn lấp khoảng 70% (năm 2012 khoảng 85-90%), còn lại được xử lý bằng các công nghệ đốt, làm phân compost, tái chế ni-lông... Đã thực hiện phân loại CTR tại nguồn cho hầu hết các bệnh viện và trung tâm y tế của các đô thị loại III trở lên; đã xây dựng và lắp đặt nhiều lò đốt CTR (sinh hoạt, y tế, công nghiệp; công suất từ 5-400 tấn/ngày). Các chương trình, dự án quản lý CTR cũng đang được nhiều địa phương tích cực triển khai với mục tiêu giảm tỷ lệ chôn lấp, tăng tỷ lệ tái chế⁷. Bước đầu, một số dự án đốt CTR để phát điện đã được triển khai ở Hà Nội, Bình Dương.

► **Hạn chế, bất cập**

Việc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế CTR chưa đạt như mong đợi; tỷ lệ CTR sinh hoạt đô thị phải chôn lấp còn cao (khoảng 70%). Chất thải sinh hoạt ở nhiều khu vực nông thôn đặc biệt vùng sâu, vùng xa có tỷ lệ thu gom thấp, chưa được cải thiện trong nhiều năm qua (tỷ lệ trung bình đạt 40-55% cho khu vực nông thôn), chôn lấp không hợp vệ sinh; các biện pháp ngăn chặn chất thải từ túi ni-lông khó phân hủy chưa đạt nhiều kết quả. Việc sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải còn rất hạn chế. Ô nhiễm môi trường biển do chất thải nhựa đang là vấn đề lớn.

Việc triển khai thực thi các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chất thải vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Việc tổ chức triển khai quy hoạch quản lý CTR đã phê duyệt tại các địa phương còn chậm; Đầu tư cho công tác quản lý chất thải còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; Quá trình để triển khai vay vốn thực hiện các dự án xử lý chất thải còn nhiều thủ tục và khó khăn; Công tác cập nhật thường xuyên các số liệu về tình hình phát sinh, tính chất, thành phần, loại chất thải phải xử lý chưa thường xuyên và đầy đủ, do vậy dẫn đến khó khăn trong việc quản lý chất thải⁸. Đối với công tác quản lý CTNH, do chưa đầy đủ các quy định về công nghệ xử lý, tái chế CTNH nên thiếu cơ sở đánh giá, giám sát trong quá trình thẩm định cấp phép và quản lý các công nghệ xử lý, tái chế CTNH trong quá trình hoạt động sau cấp phép.

Việc xã hội hóa và sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài Nhà nước vào lĩnh vực tái chế chất thải còn hạn chế, chủ yếu vẫn từ các khu vực phi chính thức với công nghệ lạc hậu, nhiều rủi ro về môi trường. Vai trò giám sát của cộng đồng vẫn chưa được phát huy một cách đầy đủ; hoạt động bảo vệ môi trường của cộng đồng còn nhiều hạn chế, mang tính hình thức, không được hướng dẫn, tổ chức đầy đủ và không được thực hiện thường xuyên.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2015, Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2017, Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2017 - Quản lý chất thải.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2019, Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019 - Quản lý chất thải rắn sinh hoạt.
4. Bộ Xây dựng, 2017, Báo cáo về việc thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.
5. Tổng cục Môi trường, Báo cáo Tình hình thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

⁷ Thành phố Hà Nội vừa đưa vào vận hành thử nghiệm một dây chuyền nghiền chất thải xây dựng nhằm tái chế ngay tại công trường, đây là một trong những bước đầu trong công tác tái chế, xử lý chất thải xây dựng; Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai thí điểm chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn ở các chợ đầu mối; hệ thống siêu thị; các doanh nghiệp trong khu chế xuất Tân Thuận, Khu Công nghệ cao và các cụm dân cư tại một số khu vực.

⁸ Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2017 - Quản lý chất thải.

Tổng quan về khu vực tái chế phi chính thức tại Việt Nam - thực tiễn và vai trò trong hoạt động quản lý chất thải rắn

TS.KTS. Nguyễn Thái Huyền

Phó Viện trưởng

Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

Giám đốc Trung tâm đào tạo quốc tế

Đại học Kiến trúc Hà Nội

Tóm tắt

Mặc dù còn ít được các cơ quan công quyền công nhận, việc tái chế không chính thức vẫn đóng một vai trò chủ đạo trong việc xử lý chất thải ở nhiều quốc gia đang phát triển trên thế giới. Với quá trình đô thị hóa và sự gia tăng dân số ở Việt Nam, khối lượng chất thải rắn (CTR) tại các địa phương đang tăng lên nhanh chóng. Việc thu gom rác thải (mua/nhặt) và bán các vật liệu có thể tái chế đã hình thành một mạng lưới các cơ sở kinh doanh, mua bán phế liệu không chính thức khắp nơi ở thành thị và nông thôn tại các địa phương.

Bài viết giới thiệu những kết quả khảo sát nghiên cứu ban đầu đối với khối thu gom và tái chế phi chính thức tại 6 địa phương ở Việt Nam: Hà Nội, Vinh, Đà Nẵng, Nha Trang, Buôn Mê Thuột và Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ của dự án JEAI Recycurbs Viet 2017-2019 (Nghiên cứu về mạng lưới thu gom và tái chế phế liệu tại Hà Nội với phương pháp tiếp cận quan và cận xã hội học) và dự án COMPOSE 2019-2021 (Xây dựng trung tâm quan trắc nhựa trong môi trường và xã hội ở Việt Nam). Bài viết chỉ ra các chủ thể liên quan trong chuỗi hoạt động thu gom, vận chuyển và tái chế phi chính thức, đồng thời cũng làm rõ đặc điểm tính chất và sự hiện diện của mạng lưới các cơ sở thu mua phế liệu tại các địa phương được nghiên cứu. Trong bối cảnh triển khai thực hiện Nghị quyết 09/NQ-CP ngày 03/02/2019 của Chính phủ về thống nhất quản lý CTR sinh hoạt, các kết quả nghiên cứu sẽ góp phần làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR).

1. Bối cảnh hoạt động thu gom và tái chế chất thải rắn ở Việt Nam

Các đô thị tại nhiều quốc gia đang phát triển hiện gặp nhiều khó khăn trong việc thu gom và tái chế khối lượng CTR đô thị ngày càng tăng. Với 96,2 triệu dân vào năm 2019, Việt Nam được xếp thứ ba trong số các quốc gia đông dân nhất ở Đông Nam Á sau Indonesia và Philippines (Asean, 2020). Trong số 5 nền kinh tế hàng đầu của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam), Việt Nam dẫn đầu với mức tăng trưởng GDP năm 2019 là 6,7%. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự gia tăng dân số mạnh mẽ đã làm gia tăng nhanh chóng lượng CTR phát sinh. Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức quản lý khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh mỗi ngày trong cả nước là hơn 61.000 tấn/ngày, trong đó khối lượng phát sinh tại khu vực đô thị là khoảng hơn 37.000 tấn/ngày, khu vực nông thôn là hơn 24.000 tấn/ngày (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2019).

Việc xử lý CTR sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình và các chất thải từ các cơ sở thương mại/cơ quan/công nghiệp có hai đặc điểm chính: (i) lượng chất thải khổng lồ phát sinh hàng ngày ở các thành phố lớn (đặc biệt là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh), (ii) hệ thống thu gom, phân loại và xử lý phức tạp bao gồm việc sử dụng nhiều lao động, đặc biệt là ở thị trường tái chế do nhóm phi chính thức chiếm lĩnh (Ngân hàng thế giới, 2018).

Mặc dù còn ít được các cơ quan công quyền công nhận, việc tái chế không chính thức vẫn đóng một vai trò chủ đạo trong việc xử lý chất thải ở nhiều quốc gia đang phát triển trên thế giới. Trước khi có Nghị quyết của Chính phủ số 09/NQ-CP ngày 03/02/2019, trách nhiệm quản lý CTR ở Việt Nam nói chung thuộc nhiều Bộ, ngành khác nhau và chính quyền các địa phương cũng tham gia vào nhiệm vụ xử lý CTR với phạm vi thẩm quyền riêng của họ, các đơn vị có liên quan khác cũng tham gia vào các hoạt động: thu gom, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, tái chế theo các chức trách, nhiệm vụ của họ được quy định cụ thể trong hợp đồng tại mỗi địa phương. Trong bối cảnh công tác quản lý CTR ở Việt Nam chưa được áp dụng theo phương thức quản lý tổng hợp, khối thu gom và tái chế phi chính thức hiện đang tồn tại, hoạt động song song, thậm chí có sự kết hợp và hỗ trợ nhất định đối với khối thu gom và xử lý chính thức (De Bercegol, R. và cộng sự, 2017).

Trong khuôn khổ của các dự án Recycurbs Viet (2017-2019) và COMPOSE (2019-2021), 6 địa phương được lựa chọn khảo sát nghiên cứu bao gồm 2 đô thị đặc biệt là Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, 1 đô thị loại I trực thuộc Trung ương là thành phố Đà Nẵng và 3 đô thị loại I trực thuộc tỉnh là thành phố Vinh, thành phố Nha Trang và thành phố Buon Mê Thuột. Các đô thị này được lựa chọn dựa trên đặc điểm vị trí địa lý, phân bố từ Bắc vào Nam, từ cao nguyên đến duyên hải, là những đô thị có các hoạt động kinh tế đa dạng bao gồm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, văn hoá... Với mục tiêu tìm hiểu tầm quan trọng và vai trò của khối phi chính thức trong các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác tái chế, nhóm nghiên cứu đã triển khai khảo sát thực địa trên toàn bộ địa bàn của 6 địa phương nói trên để xác thực sự hiện diện, xác định các chủ thể và mối liên hệ giữa các chủ thể trong các hoạt động thu mua, vận chuyển và tái chế phế liệu.



Chung sức thu gom rác thải và hạn chế sử dụng túi ni-lông vì một Việt Nam xanh

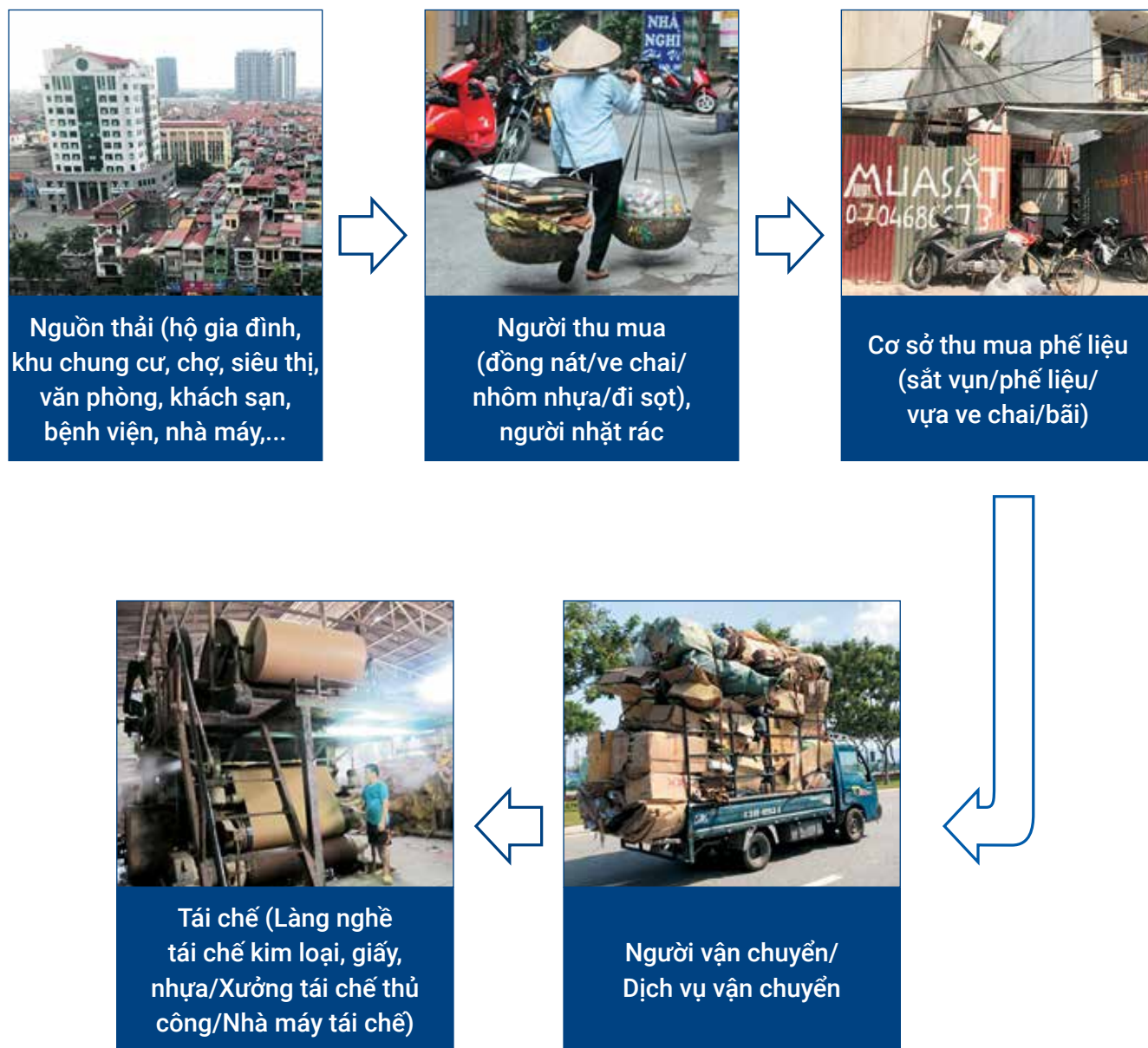
Ảnh: MONRE, TTXVN

2. Xác định các chủ thể của khối thu gom và tái chế phi chính thức ở Việt Nam và mối liên hệ giữa các chủ thể

Với quá trình đô thị hóa và sự gia tăng dân số ở Việt Nam, khối lượng CTR tại các địa phương đang tăng lên nhanh chóng. Việc thu gom rác thải (mua/nhặt) và bán các vật liệu có thể tái chế đã hình thành một mạng lưới các cơ sở kinh doanh, mua bán phế liệu không chính thức khắp nơi cả thành thị và nông thôn tại khắp các địa phương. Lĩnh vực tái chế phi chính thức này bao gồm những người thu mua phế liệu, các cơ sở mua bán phế liệu, các làng nghề tái chế, các xưởng tái chế hiện đang tham gia rất tích cực trong việc thu gom và tái chế phế liệu với các hình thức hoạt động rất đa dạng. Các chủ thể này được xác định cụ thể như sau:

- **Người thu mua phế liệu:** với tên gọi dân dã khác nhau ở các địa phương từ Bắc vào Nam như đồng nát, người đi sọt, nhôm nhựa, ve chai... là những người chuyên thu mua những vật liệu cũ bị hư hỏng hoặc bỏ đi mà có thể tái chế được từ các hộ gia đình hay các cửa hàng, cơ quan, công ty, trường học, công trường..., sau đó bán lại cho những cửa hàng chuyên thu mua phế liệu. Đa số những người thu mua phế liệu này có quê ở Nam Định, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thanh Hoá, Bình Định và đều là những người lao động nhập cư, làm công việc thu mua phế liệu tự do theo mùa vụ.
- **Người nhặt rác:** là những người tìm kiếm, thu nhặt các loại rác có thể tái chế được trên các tuyến phố, từ những đồng rác vô chủ, tại các bãi rác lớn, khu chôn lấp rác thải, khu liên hợp xử lý CTR... để tái sử dụng hoặc bán cho các cửa hàng thu mua phế liệu.
- **Cơ sở thu mua phế liệu:** hay còn gọi là cơ sở đồng nát, cửa hàng sắt vụn, phế liệu, vựa ve chai, là những cơ sở thu mua các loại phế liệu, các loại sản phẩm bỏ đi có thể tái chế, tái sử dụng... Những người chủ của các cơ sở thu mua phế liệu sẽ tính toán, thu mua lại phế liệu của những người đi thu mua, hoặc mua trực tiếp từ các nguồn thải lớn (công ty, trường học, siêu thị, chung cư...), sau đó phân loại, sắp xếp ngăn nắp. Mỗi khi khối lượng hàng thu gom được đủ một chuyến xe, phế liệu sẽ được chở đến những làng nghề hoặc công ty chuyên tái chế.
- **Người vận chuyển phế liệu:** là những người làm dịch vụ vận tải, sử dụng các loại phương tiện chuyên chở phù hợp với nhu cầu bên yêu cầu dịch vụ để vận chuyển phế liệu từ cơ sở thu mua phế liệu tới các làng nghề hoặc công ty tái chế. Trong nhiều trường hợp, các cơ sở thu mua phế liệu tự trang bị phương tiện vận chuyển, chuyên chở phế liệu riêng, thông thường là các phương tiện có tải trọng nhỏ dưới 2,5 tấn. Đối với các trường hợp vận chuyển khối lượng lớn, tải trọng xe từ 5 tấn trở lên và khi khoảng cách vận chuyển lớn (trên 100km), việc vận chuyển thường do một đơn vị dịch vụ vận chuyển chuyên nghiệp thực hiện.
- **Xưởng tái chế/Cơ sở tái chế:** là cơ sở sản xuất, địa điểm tập trung nhân lực, trang thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình tái chế các chất thải phế liệu thành các nguyên liệu thô. Đa số các xưởng tái chế có quy mô trung bình và nhỏ, hoạt động thủ công, không đăng ký kinh doanh và sử dụng người làm công đến từ các địa phương miền núi, vùng sâu, vùng xa, trung bình 3-15 người làm công/xưởng tùy thuộc quy mô.
- **Làng nghề tái chế:** là những khu vực tập trung hoạt động xử lý, tái chế phế liệu thủ công nghiệp với 3 loại phế liệu chính được tái chế là giấy, kim loại và nhựa ở miền Bắc. Xuất phát điểm của các làng nghề tái chế này là những làng nghề thủ công có nghề truyền thống như nghề làm giấy dó, nghề làm mỹ nghệ bằng đồng. Với truyền thống năng động, khả năng chuyển đổi nhanh chóng, các làng nghề này đã bắt nhịp nhu cầu của thị trường và chuyển hoá thành những làng nghề tái chế với quy mô lớn. Hiện nay, ở khu vực miền Bắc có 3 khu vực tái chế lớn là làng tái chế giấy Phong Khê, làng tái chế kim loại Văn Môn, ở tỉnh Bắc Ninh và làng tái chế nhựa Minh Khai ở Hưng Yên.
- **Xóm tái chế:** là những khu vực có quy mô cấp xóm nằm ở khu vực ven đô Thành phố Hồ Chí Minh, là nơi tập trung các hộ dân làm nghề tái chế các chất thải phế liệu từ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt thành các nguyên liệu thô. Đặc điểm của các xóm tái chế này thường là nơi một số hộ gia đình cùng làm công việc tái chế quy tụ do điều kiện đất đai, không gian xây dựng nhà xưởng thuận lợi, có thể cùng quê từ các vùng nông thôn và có thể có mối quan hệ họ hàng với nhau.

Phương thức vận hành của khối thu mua và tái chế phi chính thức được thể hiện trong sơ đồ dưới đây:

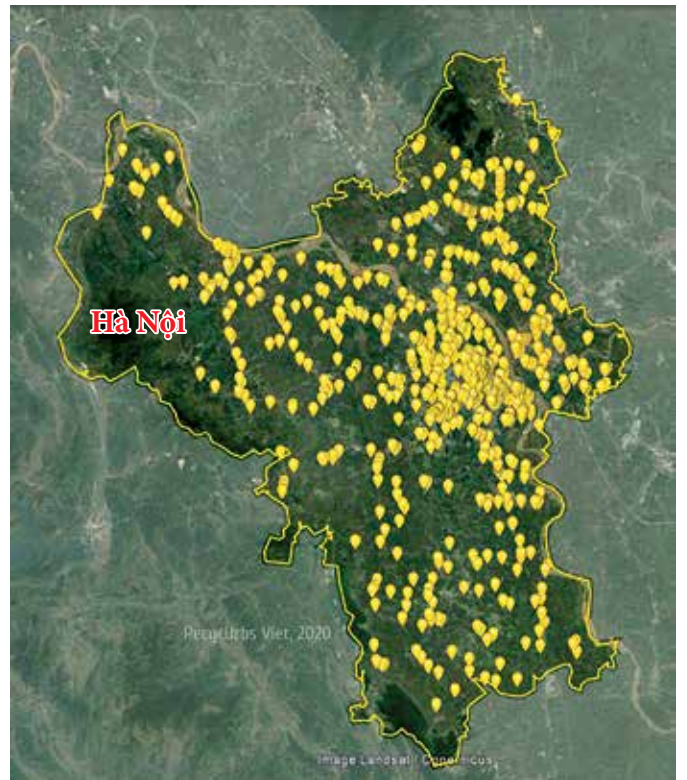
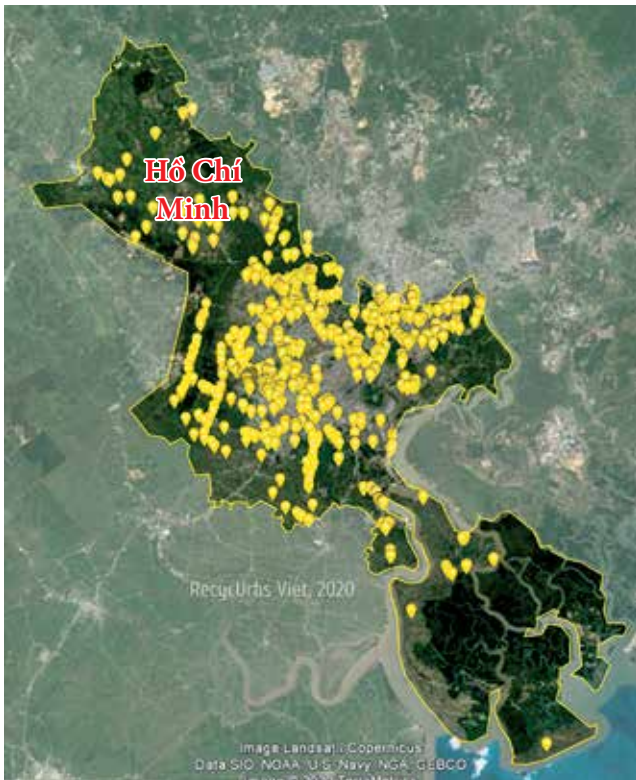
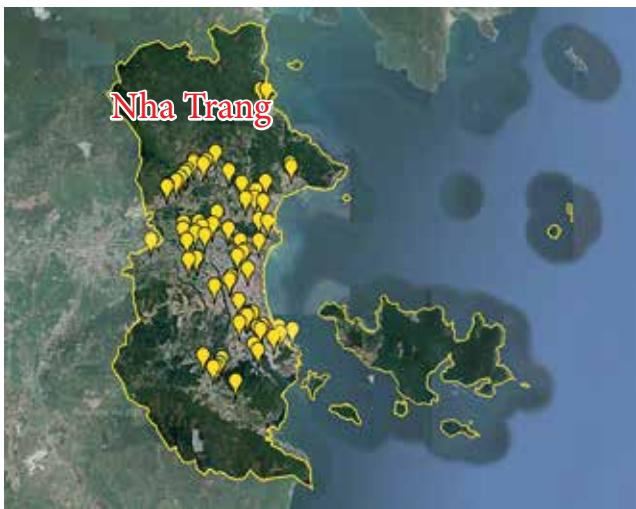


Hình 1. Sơ đồ các chủ thể và mối liên hệ trong chuỗi thu gom, vận chuyển và tái chế phế liệu

3. Sự hiện diện của mạng lưới các cơ sở thu mua phế liệu tại các địa phương nghiên cứu

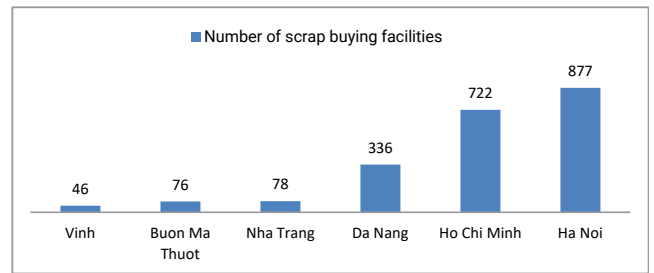
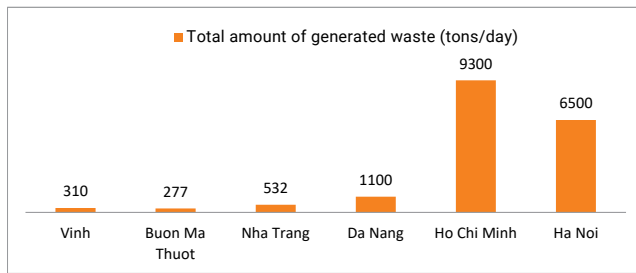
Trong số các chủ thể của chuỗi thu gom, vận chuyển và tái chế phế liệu, các cơ sở thu mua phế liệu đóng vai trò căn bản cấu trúc nên hệ thống và mạng lưới phi chính thức này bởi sự hiện diện và vai trò thu gom, tập trung và phân loại, trung chuyển tại các địa phương. Mặc dù vậy, với đặc điểm năng động, dễ mở, dễ đóng, dễ dịch chuyển với vốn đầu tư thấp, mạng lưới các cơ sở mua bán phế liệu tại các địa phương thường được coi là khó kiểm soát và hoạt động tự do. Các cơ sở thu mua phế liệu thường hoạt động lặt vặt, không muốn bị chú ý và ít được coi trọng.

Kết quả khảo sát tổng thể năm 2020 tại 6 thành phố Vinh, Buôn Mê Thuột, Nha Trang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội cho thấy hiện có tổng số 2.135 cơ sở thu mua phế liệu hiện diện tại tất cả các đô thị với số lượng cụ thể và phân bố như sau:



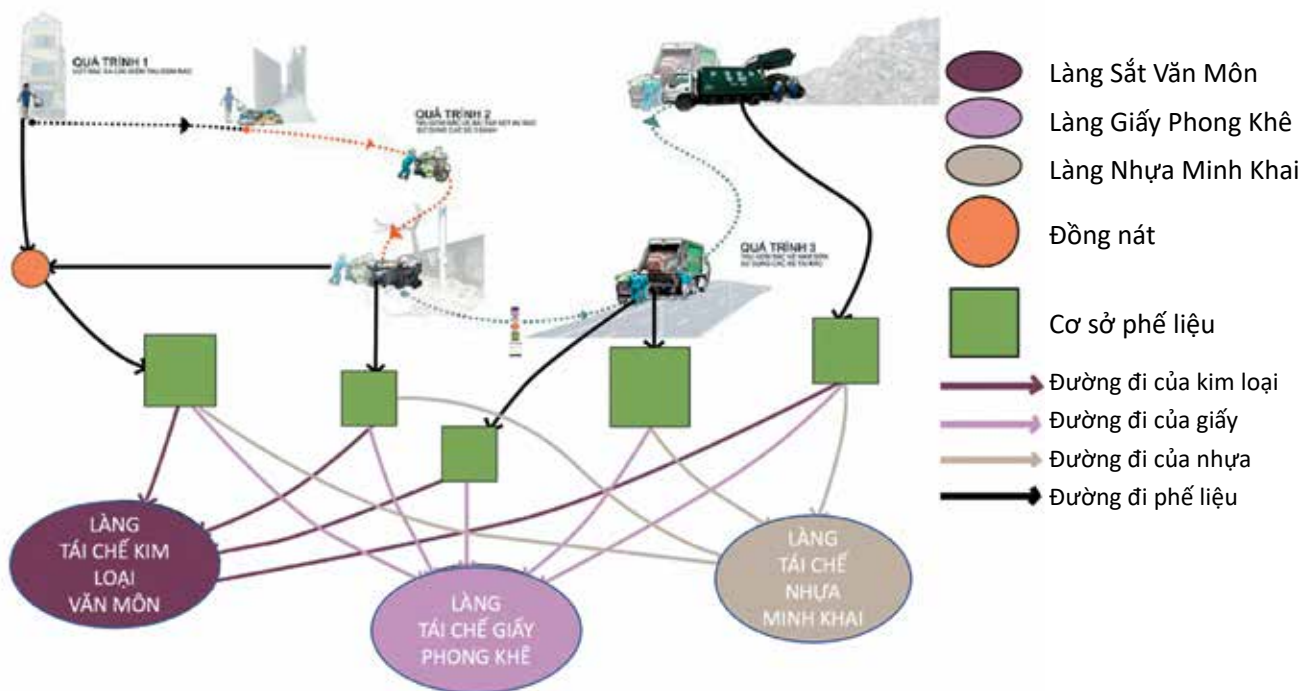
Hình 2. Sơ đồ phân bố các cơ sở thu mua phế liệu năm 2020 tại 6 đô thị Vinh, Buôn Mê Thuột, Nha Trang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội

Tổng khối lượng rác phát sinh hàng ngày và số lượng các cơ sở phế liệu tại 6 thành phố Vinh, Buôn Mê Thuột, Nha Trang, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội



Số lượng các cơ sở thu mua phế liệu tỷ lệ thuận với lượng rác phát sinh tại mỗi đô thị. Các cơ sở thu mua phế liệu có quy mô đa dạng với diện tích từ 20m² tới 2.400m², trong đó Thành phố Hồ Chí Minh là nơi tập trung nhiều cơ sở có quy mô lớn, có 45% tổng số cơ sở có diện tích mặt bằng từ 100m² trở lên. Riêng Hà Nội có số lượng cơ sở thu mua phế liệu vượt trội do quy mô các cơ sở thường nhỏ gọn, nằm xen kẽ trong các khu dân cư, 60% các cơ sở thu mua phế liệu có diện tích mặt bằng nhỏ hơn 50m² và tập trung chủ yếu trong khu vực trung tâm đô thị, nơi có mật độ dân số cao, lượng rác phát sinh lớn.

Với sự phân bố tại tất cả các địa phương, các cơ sở thu mua phế liệu hoạt động song song với các hoạt động thu gom CTR của các đơn vị, các công ty thu gom. Từ nguồn thải tới điểm xử lý, các loại chất thải có thể tái chế được người dân, người thu gom rác và người thu mua đồng nát phân loại, đem bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Tại đây, phế liệu tiếp tục được phân loại và đem bán cho các cơ sở tái chế chuyên biệt (hình 3). Các hoạt động phân tách và thu gom chất thải tái chế đã góp phần đáng kể trong việc giảm khối lượng rác thải chôn lấp tại các khu liên hiệp xử lý CTR. Ước tính khối lượng phế liệu do mạng lưới đồng nát thu mua lên tới 30% tổng lượng CTR phát sinh tại các đô thị.



Hình 3. Sơ đồ thực trạng và mối liên hệ giữa hoạt động của khối thu mua phế liệu và hoạt động thu gom CTR sinh hoạt tại Hà Nội

4. Kết luận

Trong bối cảnh triển khai thực hiện Nghị quyết 09/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về thống nhất quản lý CTR sinh hoạt, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng các quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), theo đó, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế cao phải thu hồi, tái chế theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc. Do đó, việc nghiên cứu, nắm bắt mạng lưới thu gom và tái chế phi chính thức là hết sức cần thiết để góp phần xây dựng bức tranh toàn cảnh về thực trạng hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTR ở Việt Nam.

Hoạt động thu mua phế liệu hay nói cách khác là nghề đồng nát là một hoạt động kinh tế có nguồn gốc từ làng Nôm, Hưng Yên từ hơn 100 năm nay (Lê Minh Phụng, 2019). Từ những hoạt động nhỏ lẻ của một vài cá nhân, hiện nay thu gom và tái chế phế liệu đã trở thành một hoạt động phổ biến, có mặt trên tất cả các địa phương ở Việt Nam, thu hút nhiều lao động và đem lại nguồn thu kinh tế cho một bộ phận không nhỏ các hộ kinh doanh cá thể, điều này cũng cho thấy nhu cầu về dịch vụ của xã hội và khả năng phát triển kinh tế trong lĩnh vực này.

Các kết quả nghiên cứu sơ bộ trong khuôn khổ các dự án nghiên cứu COMPOSE và Recycurbs Viet đã cho thấy sự hiện diện và phân bố đều đặn, có quy luật của mạng lưới các cơ sở thu mua phế liệu tại các địa phương ở Việt Nam, khẳng định sự tồn tại và hoạt động của mạng lưới là điều tất yếu để đáp ứng nhu cầu xã hội. Do vậy, để xây dựng các quy định về EPR, khối thu mua và tái chế phi chính thức này sẽ là đối tượng có vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện triển khai chính sách. Các cơ quan quản lý nhà nước cần xem xét, nắm bắt và hiểu rõ thực trạng, đặc điểm, tính chất của mạng lưới này, làm rõ vai trò, trách nhiệm và khả năng tham gia của họ trong chuỗi hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển và tái chế các sản phẩm để thiết lập được chính sách quản lý phù hợp và có hiệu quả cao.

Tài liệu tham khảo

1. De Bercegol, R.; Cavé, J.; Nguyen Thai Huyen (2017). *Waste Municipal Service and Informal Recycling Sector in Fast-Growing Asian Cities: Co-Existence, Opposition or Integration?* Resources 2017, 6, 70. doi.org/10.3390/resources6040070.
2. Ngân hàng thế giới (2018). *Đánh giá công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp nguy hại: các phương án và hành động nhằm thực hiện chiến lược quốc gia*. NXB Hồng Đức. 156 trang.
3. Lê Minh Phụng (2019). *Làng Nôm và bài học về văn hoá kinh doanh*. Tạp chí Cộng sản. <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Viet-nam-tren-duong-doi-moi/2008/1600/Lang-Nom-va-bai-hoc-ve-van-hoa-kinh-doanh.aspx> (tham khảo ngày 01/4/2019).
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2019). *Báo cáo tổng quan thực trạng công tác quản lý chất thải rắn trong thời gian qua và một số giải pháp triển khai trong thời gian tới*.
5. *Nghị quyết số 09/NQ-CP của Chính phủ : Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01/2019*.
6. Nguyen, Thai Huyen; Nguyen, Thai Hoa; Nguyen, Thi Hai Yen; Le, Minh Tuan; Le, Tuan Minh; Hoang, Van Chien; Pham, Ngoc Tan; Phan, Cong Hung; Nguyen, Tien Tam (2020). *Informal waste collectors and aggregators space and activities in Vinh city, Vietnam, COMPOSE project (2019-2021)*. <https://doi.org/10.23708/WQUVXF>, DataSuds, V1.
7. Nguyen, Thai Huyen; Nguyen, Thi Hai Yen; Le, Thi Thao Trang; Nguyen, Thai Hoa; Kieu, Thi Kinh; Nguyen, Minh Hien; Tran, Thanh Dang; Hoang, Minh Tieng; Le, Thi Huyen; Le, Viet Anh; Dinh, Ngoc Anh; Nguyen, Tien Tam (2020). *Informal waste collectors and aggregators space and activities in Da Nang city, Vietnam, COMPOSE project (2019-2021)*. <https://doi.org/10.23708/CGLFIL>, DataSuds, V1.
8. Nguyen Thai Huyen (2020). *Les đồng nát au Vietnam: d'un travail saisonnier à un système de collecte et de recyclage*. In: Krastanova R. and Hadjitchoneva J. (eds). (2020). *Changing Cities: Challenges, Predictions, Perspectives*. Sofia: NBU (p311-321). <https://publishing-house.nbu.bg/bg/elektronni-izdaniq/knigi/villes-en-transformation-defis-pre-visions-perspectives-changing-cities-challenges-predictions-perspectives>.
9. <https://asean2020.vn/web/asean/dan-so>.

Làng nghề tái chế chất thải - loại hình và tác động môi trường

ThS. Nguyễn Thị Hiền

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tóm tắt

Làng nghề tái chế chất thải rắn (CTR) là loại hình làng nghề có vị trí khá đặc biệt trong việc tái chế CTR tại Việt Nam, với đặc trưng là đóng vai trò chủ đạo của khu vực phi chính thức. Làng nghề tái chế là nhóm làng nghề tận dụng phế liệu làm nguyên liệu cho sản xuất và nhờ đó giảm chi phí sản xuất, đồng thời giảm lượng chất thải gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, khi các làng nghề tái chế chất thải phát triển đã tạo việc làm cho hệ thống mạng lưới thu gom nguyên liệu, phế liệu và phế phẩm. Hiện nay các nhóm làng nghề tái chế được phân chia thành 3 nhóm ngành tái chế cơ bản, gồm tái chế giấy, tái chế kim loại và tái chế nhựa, phân bố trên phạm vi cả nước, dù tập trung nhiều nhất ở miền Bắc.

Cũng như các loại hình làng nghề khác, sản xuất của làng nghề tái chế chủ yếu phát triển tự phát, được tổ chức theo quy mô hộ gia đình, thiết bị - công cụ sản xuất đơn giản, cũ, không đồng bộ, công nghệ lạc hậu, trình độ còn hạn chế, người dân làm việc chủ yếu theo thói quen, theo kinh nghiệm. Vì vậy, bên cạnh một số mặt tích cực, các làng nghề tái chế cũng đang gây ra nhiều vấn đề về môi trường. Trong đó, ngành sản xuất có thải lượng ô nhiễm lớn nhất là tái chế kim loại, quá trình tái chế và gia công cũng gây phát sinh các khí độc như hơi axit, kiềm, oxit kim loại (PbO, ZnO, Al₂O₃). Ngành tái chế làm phát sinh bụi và các khí thải như SO₂, NO₂, hơi axit và kiềm sản sinh từ các quá trình như xử lý bề mặt, phun sơn, đánh bóng bề mặt sản phẩm, nung, sấy, tẩy trắng, khí thải lò rèn...

Đến nay số làng nghề được quy hoạch trong cụm công nghiệp làng nghề vẫn rất thấp, dẫn đến tình trạng ở nhiều nơi, hoạt động xử lý chất thải tại các làng nghề còn bị bỏ ngỏ. Đa số các làng nghề chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Các loại khí thải, nước thải đều được xả thải trực tiếp ra môi trường, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống của người dân xung quanh. Những tồn tại trên đang đặt vấn đề môi trường làng nghề trước các thách thức lớn, cần được quan tâm và giải quyết một cách căn bản.

1. Khái quát về làng nghề ở Việt Nam

Làng nghề và làng có nghề ở Việt Nam đã xuất hiện từ rất lâu đời, có nơi có lịch sử phát triển hàng trăm năm, thậm chí tới cả nghìn năm. Làng nghề đúc đồng Đại Bái (Bắc Ninh) với gần nghìn năm phát triển, gốm Bát Tràng (Hà Nội) gần 500 năm; chạm bạc Đồng Xâm (Thái Bình); điêu khắc Non Nước (Đà Nẵng) đều có lịch sử hơn 400 năm... Sự phát triển của các làng nghề, ngành nghề truyền thống đã có nhiều thay đổi qua các thời kỳ lịch sử của đất nước, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới.

Làng nghề đã và đang được hình thành tại hầu hết các tỉnh ở Việt Nam. Theo Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015, ở Việt Nam có 5.096 làng nghề, trong đó số làng nghề truyền thống được công nhận theo tiêu chí làng nghề của Chính phủ là 1.748 làng nghề, số còn lại được coi là làng có nghề. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng số liệu công bố về số lượng các làng nghề không thống nhất, có khi khác nhau rất lớn giữa các nguồn. Điều này gây ra khó khăn không nhỏ khi xây dựng các chính sách cụ thể cho làng nghề.

Làng nghề nông thôn Việt Nam gồm 6 nhóm ngành nghề sản xuất chính

Thủ công mỹ nghệ (gốm, sứ, thủy tinh mỹ nghệ, chạm khắc, sơn mài, đồ gỗ mỹ nghệ), chạm mạ vàng, bạc, thêu, ren	Chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, giết mổ	Dệt nhuộm,繻, tơ, thuộc da	Vật liệu xây dựng và khai thác đá	Tái chế phế liệu	Nghề khác (sản xuất nông cụ như cày, bừa, đóng thuyền, làm quạt giấy...)
--	--	---------------------------	-----------------------------------	------------------	--

Tuy nhiên, sự phân bố và phát triển các làng nghề không đồng đều trong cả nước. Các làng nghề ở miền Bắc chiếm tỷ lệ lớn (khoảng 62%) trên số lượng các làng nghề trong cả nước trong đó tập trung nhiều nhất ở vùng đồng bằng sông Hồng; còn lại ở miền Trung (khoảng 23,4%) và ở miền Nam (khoảng 14,6%).

Trong những năm gần đây, nhờ chủ trương đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đa dạng hóa các thành phần kinh tế, các làng nghề đã tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, góp phần giải quyết việc làm trong vùng và thu hút nhiều lao động từ các vùng khác đến. Hoạt động sản xuất nghề nông thôn đã tạo ra việc làm cho hơn 11 triệu lao động, thu hút khoảng 30% lực lượng lao động nông thôn, đặc biệt có những địa phương đã thu hút được hơn 60% lao động của cả làng.

Việc phát triển kinh tế làng nghề đã góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, giảm đói nghèo, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, góp phần từng bước thay đổi bộ mặt nông thôn Việt Nam. Kết quả thống kê tại một số làng có nghề cho thấy tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ đạt 60-80%; nông nghiệp chiếm khoảng 20 - 40%¹.

2. Các loại hình làng nghề tái chế chất thải

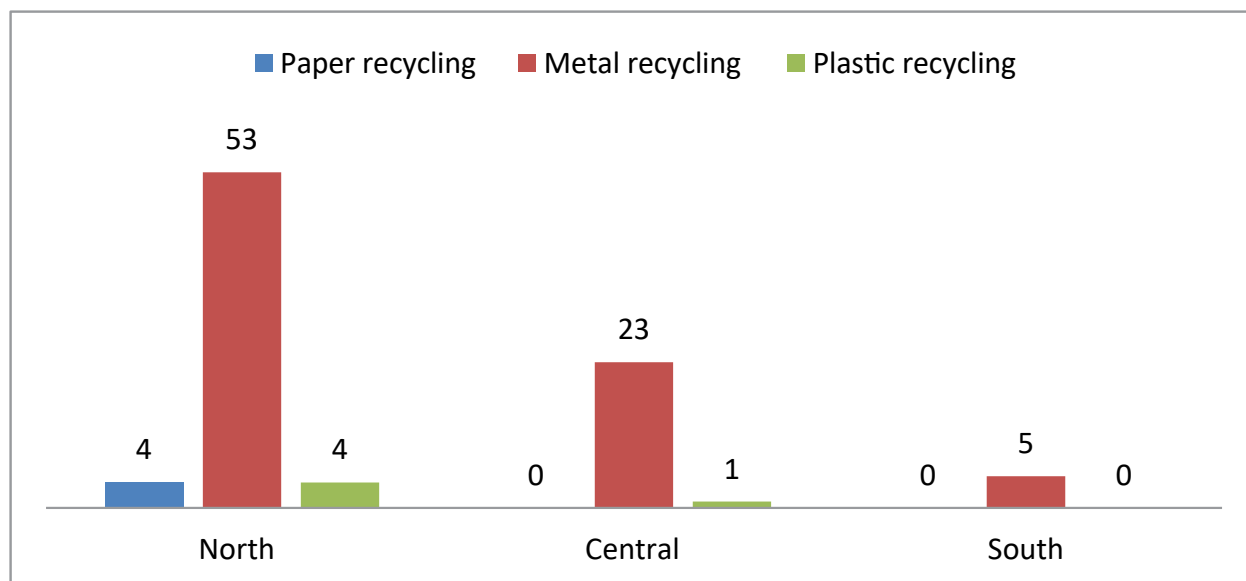
Trong số 1.748 làng nghề được công nhận đang hoạt động ở Việt Nam có một loại hình làng nghề phát triển nhanh trong thời gian vài chục năm gần đây cùng với sự phát triển kinh tế nông thôn, đó là các làng nghề tái chế chất thải.

Làng nghề tái chế là nhóm làng nghề tận dụng phế liệu làm nguyên liệu cho sản xuất và nhờ đó giảm chi phí sản xuất, đồng thời giảm lượng chất thải gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, khi các làng nghề tái chế chất thải phát triển đã tạo việc làm cho hệ thống mạng lưới thu gom nguyên liệu, phế liệu và phế phẩm.

Hiện nay các nhóm làng nghề tái chế được phân chia thành 3 nhóm ngành tái chế cơ bản, gồm tái chế giấy, tái chế kim loại và tái chế nhựa.²

¹ Báo cáo Môi trường quốc gia năm 2008 - Môi trường làng nghề Việt Nam.

² Báo cáo tóm tắt "Đánh giá thực trạng quản lý chất thải rắn tại các làng nghề tái chế phế liệu và đề xuất các giải pháp quản lý". Đại học Xây dựng, 2011.



a) Nhóm làng nghề tái chế giấy

Tái chế giấy là một trong những nghề tiểu thủ công nghiệp được phát triển với quy mô lớn trên một số tỉnh, đặc biệt là các tỉnh thành phía Bắc; tập trung chủ yếu ở tỉnh Bắc Ninh, điển hình là hai làng Dương Ổ, Phú Lâm. Ưu điểm của hình thức sản xuất giấy tái chế là tận dụng được các loại giấy khác nhau để tái sản xuất giấy, đáp ứng nhu cầu của thị trường, làm giảm lượng CTR, đồng thời tiết kiệm được nguyên liệu.

Bên cạnh những ưu điểm đó thì làng nghề tái chế giấy với đặc điểm đất chật người đông, sản xuất quy mô nhỏ, các xưởng sản xuất được bố trí rải rác nên việc quản lý sản xuất và thu gom chất thải gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác, người dân làm việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, thiết bị cũ kỹ, phương pháp sản xuất lạc hậu, mang tính chấp vá, thiếu đồng bộ.

Qua tìm hiểu thực tế công việc sản xuất và sản phẩm tái chế từ giấy phế liệu tại các làng nghề cho thấy, sản phẩm của các làng nghề này đa dạng cả về chủng loại, mẫu mã và chất lượng. Có thể phân loại chúng thành các nhóm ngành sau:

- Nhóm sản xuất giấy dó.
- Nhóm sản xuất giấy vàng mã và vệ sinh.
- Nhóm sản xuất giấy các-tông.

b) Nhóm làng nghề tái chế kim loại

Nước ta có số lượng các làng nghề tiểu thủ công nghiệp sản xuất sắt thép rất lớn, hình thành và phát triển trên khắp cả nước, rải rác hoặc tập trung ở khắp các miền, các vùng lãnh thổ khác nhau như làng Vân Chàng, Xuân Tiến ở Nam Định, làng Đa Sỹ ở Hà Nội, làng Đa Hội ở Bắc Ninh, làng La Khê ở Bình Định... Công nghệ tái chế kim loại ở những làng này tập trung chủ yếu giải quyết lượng lớn sắt thép phế liệu, các đồ gia dụng, chi tiết máy bằng thép cũ hỏng, hay các vật dụng phế liệu từ kim loại... Theo Báo cáo Hiện trạng môi trường Việt Nam, từ các phế liệu này, hàng năm đã đưa ra thị trường tiêu thụ trong nước, đặc biệt là ở khu vực miền Bắc hàng trăm nghìn tấn sắt thép xây dựng, các sản phẩm mỹ nghệ, đồ dùng, dụng cụ gia dụng... Hiện nay, ở nước ta có một vài làng nghề tái chế phát triển rất mạnh và trở thành trung tâm sản xuất sắt thép của cả nước; còn lại hầu hết các làng nghề đều có quy mô sản xuất nhỏ hoặc rất nhỏ, phân bố rải rác khắp làng³.

³ Báo cáo Môi trường quốc gia năm 2008 - Môi trường làng nghề Việt Nam.

Cùng với sự phát triển làng nghề tái chế kim loại là sự phát triển của khoảng 80 làng nghề cơ khí nhỏ, tái sử dụng hoặc sử dụng các sản phẩm tái chế sắt thép. Các sản phẩm tái chế kim loại đạt một số yêu cầu về chất lượng và được thị trường trong nước chấp nhận. Các làng nghề điển hình: xã Dục Tú huyện Đông Anh, làng Đa Sỹ ở Hà Đông, Hà Nội; Đa Hội, Vân Môn huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh; Xuân Tiến, làng Tống Xá, Yên Xá, huyện Ý Yên, Nam Định; làng tái chế nhôm Bình Yên - Nam Thanh, Nam Trực, tỉnh Nam Định; làng La Khê, tỉnh Bình Định; làng Bao Vinh, làng Cầu Vực, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ngoài ra, ở Nam Định, Hà Nam, nghề tái chế kim loại phế liệu rất phổ biến ở các huyện Ý Yên, Vụ Bản, Xuân Trường, Nam Trực.

Qua tìm hiểu công nghệ sản xuất tại các làng nghề tái chế kim loại, có thể phân chia hoạt động sản xuất của chúng thành các nhóm công nghệ sau:

- Nhóm công nghệ tái chế và gia công các mặt hàng sắt thép.
- Nhóm công nghệ tái chế các kim loại màu.

c) Nhóm làng nghề tái chế nhựa

Nhìn chung ở Việt Nam, số lượng các làng nghề tái chế nhựa không nhiều. Loại hình làng nghề này tập trung chủ yếu ở Miền Bắc như làng nghề tái chế nhựa Minh Khai (Như Quỳnh, Hưng Yên), Tràng Minh (Hải Phòng), Phú Xuyên (Hà Tây), Triều Khúc và Trung Văn (Hà Nội)... Theo đặc điểm sản xuất, bên cạnh các hộ gia đình sản xuất các sản phẩm tái chế nhựa còn có một số hộ gia đình tham gia thu gom, phân loại, vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm: Làng tái chế nhựa Phú Xuyên (Hà Nội); Tràng Minh (Kiến An, Hải Phòng); làng Trung Văn (Từ Liêm Hà Nội), làng nghề tái chế nhựa Đông Mẫu, xã Yên Đồng, Yên Lạc; làng Tào Phú, làng Tề Lỗ, xã Tam Hồng, Yên Lạc (Vĩnh Phúc); làng Khoai (Minh Khai, Như Quỳnh, Hưng Yên).

Nguyên liệu chính cho sản xuất là nhựa phế liệu. Nhựa phế liệu được thu gom từ nhiều địa phương (Hải Phòng, Thanh Hoá, Nghệ An, Sơn La, Lạng Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đà Nẵng...) thông qua mạng lưới thu mua phế liệu từ các tỉnh thành trong cả nước. Nhìn chung, các chất thải này khi thu gom thường được phân loại theo thành phần các loại nhựa: nhựa HDPE, PP, PS, PVC, PET...

3. Tác động môi trường của các làng nghề tái chế

Tùy theo tính chất của từng loại làng nghề mà loại ô nhiễm môi trường cũng khác nhau. Trong đó, ngành sản xuất có thải lượng ô nhiễm lớn nhất là tái chế kim loại, quá trình tái chế và gia công cũng gây phát sinh các khí độc như hơi axit, kiềm, oxit kim loại (PbO , ZnO , Al_2O_3). Các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ phát sinh ô nhiễm mùi do quá trình phân huỷ các chất hữu cơ trong nước thải và các chất hữu cơ trong chế phẩm thừa thải ra tạo nên các khí như SO_2 , NO_2 , H_2S , NH_3 ... Các khí này có mùi hôi tanh rất khó chịu, điển hình như ở làng trồng da Lâm Yên (Đại Lộc, Quảng Nam). Các làng nghề ương tơ, dệt vải và thuộc da, thường bị ô nhiễm bởi các khí: SO_2 , NO_2 . Các làng nghề thủ công mỹ nghệ thường bị ô nhiễm nặng bởi khí SO_2 phát sinh từ quá trình xử lý chống mốc cho các sản phẩm mây tre đan. Ở các làng nghề sản xuất mặt hàng mây, tre đan..., có tình trạng ô nhiễm không khí, do phải sử dụng lưu huỳnh khi sấy nguyên liệu. Nồng độ SO_2 , NO_2 tại các làng nghề tái chế nhựa khá cao, vượt nhiều lần giới hạn cho phép. Ngành tái chế làm phát sinh bụi và các khí thải như SO_2 , NO_2 , hơi axit và kiềm sản sinh từ các quá trình xử lý bề mặt, phun sơn, đánh bóng bề mặt sản phẩm, nung, sấy, tẩy trắng, khí thải lò rèn..., điển hình như làng nghề tái chế nhựa Trung Văn (Hà Nội), làng nghề đúc đồng Đại Bái (Bắc Ninh), làng tái chế nhựa Vô Hoạn (Nam Định), làng nghề tái chế nhôm Yên Bình (Nam Định)...⁴

⁴ Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015.

Các loại khí thải chính từ các làng nghề tái chế

TT	Làng nghề	Nguyên liệu		Khí thải
		Chính	Phụ	
1	Tái chế giấy	- Giấy loại, bìa loại, bìa carton... - Vỏ dó - Bột giấy - Tre, nứa, bã mía	- Nhựa thông - Javen - Phèn - Phẩm màu - Xút	- Bụi, SO ₂ , H ₂ S, hơi kiềm
2	Tái chế kim loại	- Sắt, thép, đồng, chì, nhôm phế liệu - Vỏ lon bia, nước giải khát... - Vỏ tàu biển, vỏ ô tô... - Các đồ gia dụng bằng sắt thép cũ hỏng - Các chi tiết máy móc, thiết bị cũ hỏng... - Ấc qui phế thải	Hoá chất: - HCl - NaOH - Cr ³⁺ - Ni ²⁺ - CN ⁻ - H ₂ SO ₄	- Bụi, CO, hơi kim loại, hơi axit, Pb, Zn, HF, HCl, THC
3	Tái chế nhựa	Nhựa phế liệu: - Loại cứng: PP, PS (thùng, két, nắp chai nhựa...) - Loại mềm: HDPE, LDPE (chai đựng hóa chất, mỹ phẩm, đồ chơi...)	- Bột màu - Phụ gia	- Bụi, CO, Cl ₂ , HCl, THC, hơi dung môi

Theo quy định, để giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, đối với các làng nghề không thể đầu tư, áp dụng các biện pháp xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng thì phải di dời vào cụm công nghiệp hoặc khu chăn nuôi, khu sản xuất tập trung bên ngoài khu dân cư. Tuy nhiên, đến nay số làng nghề được quy hoạch trong cụm công nghiệp làng nghề là rất ít (47 làng nghề), nên hoạt động xử lý chất thải tại các làng nghề còn bị bỏ ngỏ ở nhiều nơi. Đa số các làng nghề chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Các loại khí thải, nước thải đều được xả thải trực tiếp ra môi trường... Đặc biệt, nước thải tại các làng nghề tái chế kim loại, chế biến nông sản, thủy sản đang là vấn đề bức xúc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. CTR nguy hại phát sinh từ các hoạt động sản xuất làng nghề chưa được phân loại, tái chế, tái sử dụng hợp lý.

Những tồn tại trên đang đặt vấn đề môi trường làng nghề trước các thách thức lớn, cần được quan tâm và giải quyết một cách căn bản.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2008 - Môi trường làng nghề.
2. Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015.
3. Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2017 - Quản lý chất thải.
4. Báo cáo tóm tắt "Đánh giá thực trạng quản lý chất thải rắn tại các làng nghề tái chế phế liệu và đề xuất các giải pháp quản lý". Đại học Xây dựng, 2011.

Chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị Việt Nam và lực lượng phi chính thức tại Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Hoài Linh

Giám đốc

Tổ chức Hành động

vì Môi trường và Phát triển

(Enda Vietnam)

1. Tổng quan thực trạng chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và lực lượng phi chính thức tại Việt Nam

Thực trạng chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị Việt Nam

Tại Việt Nam, lượng rác thải đang không ngừng tăng lên ở cả các đô thị và vùng nông thôn. Trong đó, khối lượng rác tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là 7.000-9.000 tấn rác mỗi ngày¹.

Lượng chất thải rắn (CTR) sinh hoạt ở các đô thị phát sinh trên toàn quốc tăng trung bình 10-16% mỗi năm. Lượng CTR sinh hoạt đô thị tăng mạnh ở các đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, nơi có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa tăng nhanh, chiếm tới 45,24%, tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh từ tất cả các đô thị lớn trên cả nước; Tỷ lệ CTR sinh hoạt chiếm khoảng 60-70% tổng lượng CTR đô thị (ở một số đô thị, tỷ lệ này lên đến 90%)².

Bên cạnh đó, mỗi năm có hơn 1,8 triệu tấn nhựa được tạo ra trên toàn quốc (trong đó có đến 730 ngàn tấn rác thải nhựa rò rỉ ra đại dương)³ nhưng chỉ 27% số đó được tái chế⁴.

Khối lượng chất thải gia tăng hàng năm rất nhanh, tăng trưởng kinh tế, gia tăng dân số và đô thị hóa mạnh mẽ làm trầm trọng thêm những vấn đề liên quan đến quản lý CTR. Lượng chất thải khổng lồ phát sinh hàng ngày ở các thành phố lớn (đặc biệt là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) với hệ thống thu gom, phân loại và xử lý phức tạp và sử dụng nhiều lao động, trong đó, sự đóng góp của nhóm phi chính thức trong hệ thống này là rất lớn và có sự khác biệt tại mỗi khu vực.

¹ Theo cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương (2020).

² Theo cổng thông tin điện tử của Tổng cục Môi trường (2018).

³ Theo báo cáo của Dr. Jenna Jambeck: *Plastic waste inputs from land into Ocean*.

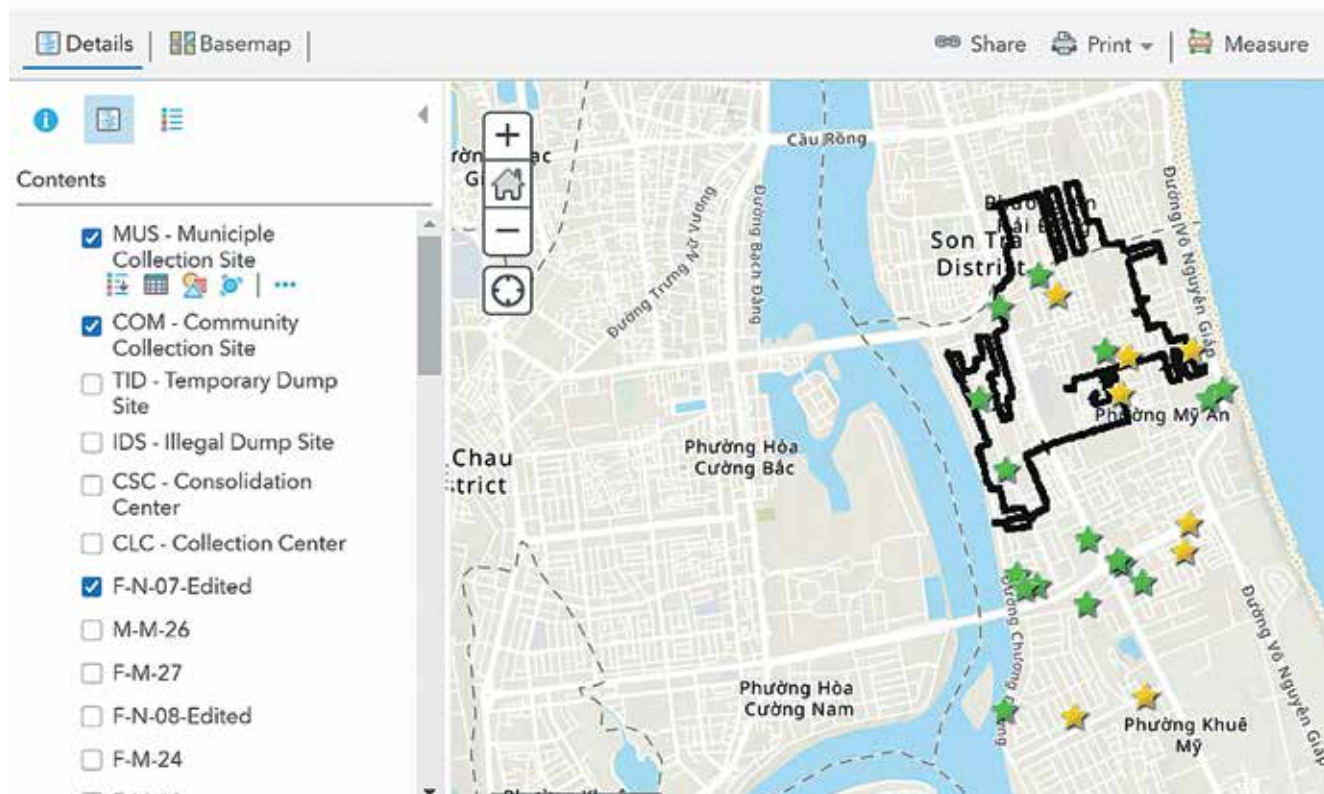
⁴ Theo cổng thông tin điện tử của Tổng cục Môi trường (2018).

Hiện nay, trong bối cảnh công tác triển khai, thực hiện kiểm soát và phân loại rác tại nguồn chưa đạt hiệu quả, đa phần rác thải từ hộ gia đình chưa được phân loại tại nguồn, tiềm năng phát triển của ngành công nghiệp tái chế chất thải nội địa là rất lớn nhưng nguồn cung đầu vào chưa đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp và chủ yếu dựa vào hoạt động của lực lượng phi chính thức.

Lực lượng phi chính thức tại Việt Nam

Lực lượng phi chính thức trong hệ thống xử lý CTR thường được gọi là “ve chai”, “đồng nát” hoạt động khắp các tỉnh thành của Việt Nam, từ thành thị đến nông thôn. Tại Hà Nội có khoảng 10.000⁵ và Đà Nẵng có khoảng từ 1.000-1.800 người⁶.

ArcGIS ▾ Da Nang Waste Picker Map - EGL V2



Trực quan hóa khu vực hoạt động của những người đồng nát, các điểm thu mua phế liệu và các điểm nóng rác thải bằng phương pháp ArcGIS | Ảnh: UNDP

Lực lượng phi chính thức đang ở tuyến đầu trong việc thu hồi những vật liệu có thể bán được như bìa cứng, giấy, kim loại, nhựa (nhựa cứng, PET), lon... Họ nhặt rác tái chế từ những bãi rác mở, thùng rác công cộng, những đồng rác vô chủ hoặc mua lại từ nhà dân, cửa hiệu và siêu thị. Sau khi thu mua hay nhặt đầy xe đẩy/ xe đạp/ quang gánh, những người này mang đến các cơ sở thu mua phế liệu (vựa ve chai) nằm rải rác trong các tỉnh/thành phố để bán. Rác tái chế tiếp tục được phân loại, tập hợp và bán cho các đại lý lớn hơn, sau đó chuyển về các làng nghề hoặc doanh nghiệp tái chế, hoặc xuất khẩu đi nước ngoài, đặc biệt là sang Trung Quốc (dù hiện tại, Trung Quốc đã cấm nhưng vẫn có những thương lái Trung Quốc sang Việt Nam mua tại các vựa ve chai).

⁵ Nguyễn Thái Huyền, Nguyễn Thị Hải Yến và Lê Thị Thảo Trang (2019). Cấu trúc không gian, quá trình hình thành và vận hành mạng lưới các cơ sở thu mua phế liệu tại Hà Nội.

⁶ Nguyễn Tuấn Lương - UNDP.

Trên thực tế, lực lượng phi chính thức đã, đang và sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc tái chế và tái sử dụng chất thải, đặc biệt là rác thải nhựa ở Việt Nam, nhưng họ thường bị đánh giá thấp. Có khá ít bằng chứng cụ thể về những đóng góp của họ trong bức tranh tái chế xử lý rác thải chung của quốc gia. Ước tính gần nhất nằm trong Báo cáo Môi trường quốc gia công bố năm 2011 chỉ ra rằng tỷ lệ tái chế CTR đô thị vào khoảng 8-12% và chủ yếu được thực hiện bởi khu vực phi chính thức tại các làng nghề.

Từ trường hợp người thu gom rác dân lập tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, những khó khăn của lực lượng phi chính thức trong đời sống công việc và xã hội cần được xem xét một cách bao quát hơn theo góc nhìn của nghèo đa chiều.

Tốc độ đô thị hóa chóng mặt của các đô thị lớn thu hút lượng lớn lao động trên khắp cả nước, khu vực phi chính thức cũng từ đó phát triển mạnh và dần trở nên phức tạp hơn.

Việc tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm y tế tại nơi làm việc, giáo dục trên tiểu học và khả năng cập nhật thông tin kỹ thuật của đối tượng này rất hạn chế. Việc làm thủ tục vướng phải nhiều khó khăn khi di cư lên các đô thị lớn để sinh sống và làm việc.

Nguồn thu nhập không ổn định, phụ thuộc nhiều vào thị trường tái chế vốn đang có nhiều biến động về giá cả thu mua. Thu nhập cố định thấp, trong điều kiện mức chi trả sinh hoạt tại các đô thị cao hơn so với những khu vực khác.

Không gian sống và sinh hoạt của một bộ phận người lao động phi chính thức tại các đô thị còn rất hạn chế, thiếu vệ sinh và những điều kiện cơ bản do sự chênh lệch về mức thu nhập và các khoản chi tiêu.

Do công việc có tính chất nặng nhọc, một số có tính chất độc hại nên khả năng tham gia vào những hoạt động hay tổ chức cộng đồng, tập thể của các đối tượng phi chính thức rất thấp, vì công việc và việc di chuyển chiếm hầu hết thời gian và sức lực của họ.

Không chỉ chịu những hạn chế trong việc tham gia hệ thống an sinh xã hội, những người lao động trong khu vực phi chính thức cũng đối mặt với việc bị kỳ thị khi làm việc với chất thải.

Có thể thấy, khó khăn và thách thức mà lực lượng ngoài hệ thống chính quy gặp phải trong quá trình làm việc lẫn đời sống hằng ngày, trong các điều kiện vật chất và tinh thần vẫn còn rất nhiều vấn đề và rất cần sự quan tâm của các cấp chính quyền, để từng bước có những lộ trình phù hợp nhằm hỗ trợ, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống xã hội và qua đó đạt đến những mục tiêu về kinh tế, môi trường, an sinh xã hội do Nhà nước đề ra và dần dần tiến tới hợp thức hoá lực lượng phi chính thức.

2. Lực lượng phi chính thức tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng phi chính thức tập trung ở phân khúc thu gom và phân loại, bao gồm:

- (i) lực lượng thu gom rác dân lập (khoảng 4.200 người)⁷, làm nhiệm vụ thu gom rác tại các hộ gia đình, sau đó phân loại rác nhằm lấy rác tái chế để bán và đưa rác còn lại (đa phần là rác hữu cơ và túi ni-lông bẩn) đến trạm trung chuyển (do Công ty Môi trường Đô thị CITENCO quản lý) hay điểm tập kết (do phường quản lý) để CITENCO vận chuyển đến bãi rác và xử lý;
- (ii) lực lượng thu mua/thu nhặt ve chai, phế liệu (khoảng 2.000 người)⁸ làm công việc thu mua hoặc thu nhặt ve chai từ hộ gia đình, từ các cơ sở kinh doanh, sản xuất nhỏ lẻ và bán cho các vựa ve chai;
- (iii) các vựa ve chai (ước tính khoảng 1.800)⁹ thực hiện thu mua phế liệu từ hai lực lượng trên và trực tiếp từ hộ gia đình hoặc các cơ sở kinh doanh, sản xuất trên địa bàn thành phố để phân loại một lần nữa và bán lại cho các công ty, cơ sở tái chế.

^{7, 8, 9} *Enda Việt Nam - Báo cáo thường niên năm 2018*

Lực lượng thu gom rác dân lập là lực lượng đóng vai trò rất quan trọng trong hệ thống quản lý CTR tại Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện thu gom 60-65%¹⁰ lượng rác thải của thành phố, đồng thời phân loại lượng lớn rác thải làm đầu vào cho hệ thống tái chế. Chỉ tính riêng rác thải nhựa, hàng ngày mỗi người thu gom rác dân lập thu được từ 13-16kg để tái chế.

Đây là lực lượng rất đặc biệt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời điểm hình thành của lực lượng gom rác dân lập không thể xác định cụ thể, xuất hiện từ nhu cầu phát sinh về cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình phát triển của thành phố. Khởi điểm của lực lượng lao động này đa số là những người nhập cư từ các tỉnh thành lân cận, với trình độ học vấn thấp và không có điều kiện tiếp cận với hệ thống an sinh xã hội chính quy. Đa số họ không có hộ khẩu, sống tạm trú KT3 ở nơi làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, điều kiện làm việc không an toàn, thu nhập từ phí thu gom rác thấp.

Qua quá trình đồng hành cùng người thu gom rác dân lập từ năm 2006 đến nay, Enda Việt Nam - tổ chức phi chính phủ, hỗ trợ người nghèo đô thị và những nhóm yếu thế trong xã hội như dân nhập cư, các thành phần đang lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức - đã hỗ trợ lực lượng thu gom rác dân lập tiếp cận an sinh xã hội thông qua việc hỗ trợ các trang thiết bị lao động cần thiết, tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức; và vận động cải tiến, thành lập Hợp tác xã.

Enda Việt Nam không ngừng nghỉ trong suốt quá trình đồng hành cùng họ, đồng thời là cầu nối để kết nối lực lượng này với chính quyền địa phương và giúp địa phương thấu hiểu hơn những khó khăn của lực lượng lao động phi chính thức này, vận động chính quyền trong việc ban hành những quy định liên quan đến điều kiện sống và làm việc của người thu gom rác dân lập nói riêng và quản lý CTR của thành phố nói chung.



Người thu gom rác dân lập tại Tp.HCM | Ảnh: Enda VN



Người thu mua ve chai tại Tp.HCM | Ảnh: Enda VN



Vựa mua bán phế liệu, ve chai tại Tp.HCM | Ảnh: Enda VN

¹⁰ Enda Việt Nam - Báo cáo thường niên năm 2018 và số liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ <http://donre.hochiminhcity.gov.vn>.



Hỗ trợ tập huấn cho người thu gom rác dân lập | Ảnh: Enda VN

Cùng với sự quan tâm, hỗ trợ từ các cấp chính quyền và sự thúc đẩy từ phía Enda Việt Nam, người thu gom rác dân lập đã có những chuyển biến tích cực. Từ những cá nhân hoạt động manh mún và đơn lẻ, gặp rất nhiều khó khăn trong công việc và cuộc sống, ngày nay lực lượng thu gom rác dân lập trên địa bàn các quận/huyện đã được tập hợp lại trong các Hợp tác xã, hoặc Công ty có tư cách pháp nhân, được Nhà nước công nhận và tiếng nói của họ cũng dần được nâng cao trong cộng đồng và chính quyền các cấp.

Người thu gom rác dân lập dần hiểu rõ hơn vai trò và trách nhiệm của họ đối với thành phố và đối với công việc của mình, thể hiện qua việc chú ý nắm bắt kịp thời những điều luật, quy định mới ban hành của Nhà nước, đồng thời kết nối chặt chẽ với các cấp chính quyền để nhanh chóng đưa ra phản hồi phù hợp giúp hoàn thành một cách tốt nhất những mục tiêu trong công tác quản lý CTR tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, dù đã đạt được những bước tiến tích cực, với sự phát triển nhanh chóng của thành phố, khối lượng công việc, yêu cầu và áp lực từ sự đô thị hóa, hiện đại hóa đè nặng lên các lực lượng phi chính thức vẫn được đánh giá là cực kỳ to lớn.

Về điều kiện làm việc

Dù đã được tập hợp lại trong các tổ chức pháp nhân như Hợp tác xã, và được các cơ quan Nhà nước từng bước quan tâm, lắng nghe và hỗ trợ, điều kiện làm việc của người thu gom rác vẫn mang tính chất đơn lẻ. Một số Hợp tác xã vừa mới được thành lập, còn non kém, chưa có thực lực và còn nhiều khó khăn trong việc duy trì hoạt động. Đối tượng làm công việc thu gom rác này không được hưởng những quyền lợi như công nhân của các công ty như Công ích Thành phố hay Công ty Môi trường Đô thị, hay các phúc lợi về mua bảo hiểm xã hội, nghỉ phép thường niên hay chế độ thai sản (cho nữ giới)...

Đối với những cá nhân là người nhập cư, không có sổ tạm trú KT3 hay hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh, việc tiếp cận kịp thời những hỗ trợ từ Nhà nước còn vướng phải nhiều hạn chế. Đơn cử như hoạt động hỗ trợ của Nhà nước cho người lao động chịu ảnh hưởng trong thời kỳ giãn cách xã hội do Covid-19, đối tượng thu gom rác dân lập là đối tượng chịu thiệt thòi vì là lực lượng không thể thực hiện giãn cách do yêu cầu công việc giữ vệ sinh cho thành phố và cũng là đối tượng dễ bị lây nhiễm do tiếp xúc trực tiếp với chất thải của nhiều hộ gia đình khác nhau trong đó có cả chất thải của những khu vực đang thực hiện cách ly.

Các cấp chính quyền cũng đã có những quan tâm và hỗ trợ kịp thời như hỗ trợ chi phí mua bảo hiểm y tế, tuy nhiên, những đối tượng nhận được hỗ trợ vẫn cần phải có sổ tạm trú KT3 hoặc hộ khẩu tại thành phố, trong khi số lượng đó chiếm rất ít (chỉ 30-35% trên tổng số người thu gom rác dân lập có hộ khẩu hay sổ tạm trú KT3 tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Về đời sống xã hội

Do tính chất công việc, thời gian lao động của người thu gom rác dân lập nói riêng và người thu gom rác nói chung cũng khác biệt hơn so với đa số những người lao động khác khi họ làm việc chủ yếu vào ban đêm để tránh tình trạng ùn tắc giao thông khi di chuyển vào ban ngày.

Kinh tế của người thu gom rác dân lập dựa vào 2 nguồn thu nhập chính là từ phí thu gom rác nhận từ hộ gia đình (chiếm 70-75%) và tiền bán phế liệu, ve chai hằng ngày (chiếm 25-30%)¹¹. Tính đến thời điểm



Khó khăn trong việc hòa nhập cộng đồng | Ảnh: Enda VN

hiện tại, quy định về tăng giá thu gom theo Quyết định 38/2018/QĐ-UBND đã được ban hành ngày 22/10/2018, kèm theo rất nhiều văn bản hướng dẫn và trao đổi giữa các cơ quan chính quyền có liên quan, tuy nhiên, do còn nhiều vấn đề bất cập trong việc áp dụng thực tiễn nên việc ban hành mức giá và phổ biến rộng rãi trong dân vẫn chưa được thống nhất và thực thi. Cùng với giá phế liệu giảm mạnh hơn 50% so với các năm trước dẫn đến đời sống của người thu gom rác dân lập bấp bênh, gặp nhiều khó khăn.

Song song với đó, các yêu cầu về chuyển đổi phương tiện thu gom rác cũng đang là một áp lực lớn đối với người thu gom rác dân lập do điều kiện tài chính của 80%¹² người thu gom chưa thể đáp ứng yêu cầu và điều kiện cơ sở hạ tầng trong thành phố chưa phù hợp với mẫu phương tiện của quy định mới.

Ngoài những áp lực về kinh tế và quy định của Nhà nước, người thu gom rác dân lập còn vướng phải những khó khăn trong việc hòa nhập với cộng đồng dân cư khu vực làm việc và sinh sống do những thành kiến về nghề nghiệp đối với công việc thu gom rác.

Sự nỗ lực không ngừng của Enda Việt Nam trong việc thay đổi quan điểm của người dân về nghề thu gom rác, thông qua các hoạt động truyền thông bằng hình ảnh, câu chuyện, đoạn phim về cuộc đời và tâm tư của người thu gom rác; cùng với sự tiếp thu và cải thiện của chính những người lao động để phù hợp với yêu cầu và chuẩn mực của xã hội đã giúp người thu gom rác dần xóa bỏ sự tự ti về nghề nghiệp và tự hào hơn với những đóng góp thiết thực của họ trong công cuộc làm cho thành phố ngày một xanh, sạch, đẹp hơn.

Bên cạnh đó, thời gian qua, nhờ sự quan tâm và hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương, đời sống của người thu gom rác có sự cải thiện nhất định. Những hỗ trợ thiết thực về trang bị bảo hộ lao động, nhu yếu phẩm trong mùa dịch, về hướng dẫn và điều chỉnh những quy định hiện hành đã phần nào giúp người thu gom rác dân lập có thêm động lực và tự tin thực hiện công việc của mình. Hơn nữa, động thái lắng nghe, tiếp thu và giải quyết vướng mắc trong thời gian qua của chính quyền địa phương dành cho người thu gom rác dân lập cũng tạo cho họ thêm niềm vui, sự phấn khởi trong công việc rằng cuối cùng họ cũng đã được lắng nghe, được quan tâm và được thấu hiểu.

¹¹ Enda Việt Nam - Báo cáo thường niên năm 2018.

¹² Thông tin được cung cấp từ các Hợp tác xã vệ sinh môi trường của người thu gom rác dân lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Suy nghĩ lại về vai trò của khu vực phi chính thức trong nền kinh tế tuần hoàn chất thải rắn ở Việt Nam

Nguyễn Hoàng Phương
Đặng Hà Giang

*Nhóm Tư vấn Chính sách và
Luật pháp (e-Policy)*

Giới thiệu

Ước tính trên toàn cầu có tới 19-24 triệu người làm việc trong ngành quản lý và tái chế chất thải nhưng chỉ có 4 triệu làm việc chính thức.¹ Ở Việt Nam, dù chưa có thống kê đầy đủ cho toàn bộ hoạt động quản lý chất thải, tuy nhiên cũng có tới 41.100 lao động phi chính thức trong ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.² Quản lý chất thải không chỉ là một dịch vụ môi trường mà còn có ý nghĩa y tế cộng đồng vô giá giúp giảm thiểu các rủi ro sức khỏe từ rác thải, điều đặc biệt ý nghĩa trong bối cảnh đại dịch COVID-19 hiện nay. Nhưng chính COVID-19 đang khắc sâu thêm sự bất bình đẳng giữa lao động chính thức và phi chính thức trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn. Trong khi cộng đồng được hưởng lợi từ các dịch vụ quản lý chất thải cả chính thức và phi chính thức mang lại, thì những người làm việc trong khu vực phi chính thức đang phải đối mặt với rủi ro lớn hơn đối với sức khỏe và sinh kế của chính họ khi các quốc gia đóng cửa và nền kinh tế tăng trưởng chậm lại.

Bài viết này chia sẻ một góc nhìn khác về lao động phi chính thức và vai trò của họ trong quản lý chất thải rắn từ kinh nghiệm quốc tế và những quan sát, nghiên cứu ở Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam đang sửa đổi những chính sách về quản lý chất thải rắn theo Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi vừa được thông qua cuối năm 2020, bài viết kỳ vọng đưa ra gợi mở cho các nhà làm luật về việc lồng ghép, kết nối khối phi chính thức và chính thức để tăng cường hiệu quả quản lý và đảm bảo an sinh xã hội.

¹ International Labour Office (2013). *Sustainable development, decent work and green jobs. Report to the 102nd session of the International Labour Conference. Report V.* Available at https://www.ilo.org/ilc/ILCSessions/previous-sessions/102/reports/reports-submitted/WCMS_207370/lang-en/index.htm

² ILO/ Tổng cục Thống kê Việt Nam (2016). *Báo cáo Lao động phi chính thức 2016.* Xem tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/--asia/--ro-bangkok/--ilo-hanoi/documents/publication/wcms_638334.pdf (truy cập ngày 10/01/2021).

1. Hiểu thế nào về phi chính thức

Khái niệm “phi chính thức” lần đầu tiên được đưa ra vào những năm 1970 đã dẫn đến nhiều cuộc tranh luận trong suốt hơn bốn thập kỷ nhằm tìm nguyên nhân của tình trạng không chính thức cũng như định nghĩa và đo lường mức độ không chính thức trên khắp thế giới.³ Bảng sau thống kê một số khái niệm liên quan đến phi chính thức trong các tài liệu quốc tế và Việt Nam:

Bảng 1: Một số định nghĩa về phi chính thức

STT	Định nghĩa phi chính thức	Nguồn
A	Quốc tế	
1	<i>Nền kinh tế phi chính thức</i> : đề cập đến tất cả các hoạt động kinh tế, không bao gồm các hoạt động bất hợp pháp, của người lao động và các đơn vị kinh tế mà theo luật hoặc trên thực tế, không được bao phủ hoặc bao phủ không đầy đủ bởi các thỏa thuận chính thức.	Khuyến nghị số 204 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) ⁴
2	<i>Khu vực (kinh tế) phi chính thức</i> bao gồm các đơn vị sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ với mục tiêu chính là tạo ra việc làm và thu nhập cho những người có liên quan. Khu vực phi chính thức là một tập hợp con của các đơn vị kinh tế mà chưa hình thành tư cách pháp nhân độc lập với chủ sở hữu của chúng. Các đơn vị này thường được sở hữu bởi các cá nhân, các thành viên trong hộ gia đình hoặc giữa các hộ gia đình với nhau ở trình độ tổ chức thấp, quy mô nhỏ, ít hoặc không có sự phân công lao động và vốn như là các yếu tố sản xuất.	Báo cáo <i>Giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương của nền kinh tế phi chính thức</i> (2019) của ILO và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) ⁵
3	<i>Việc làm phi chính thức</i> : là một khái niệm dựa trên việc làm và nó được định nghĩa theo mối quan hệ việc làm và các biện pháp bảo vệ liên quan đến công việc của người lao động. Người lao động được coi là có việc làm phi chính thức nếu mối quan hệ việc làm của họ, theo luật hoặc trên thực tế, không phải tuân theo luật lao động quốc gia, thuế thu nhập, bảo trợ xã hội hoặc được hưởng một số phúc lợi việc làm (thông báo trước về việc sa thải, trợ cấp thôi việc, nghỉ hàng năm có hưởng lương hoặc nghỉ ốm...). Các lý do cơ bản có thể là do không khai báo công việc hoặc nhân viên; việc làm tạm thời hoặc công việc ngắn hạn; công việc có số giờ làm việc hoặc mức lương dưới ngưỡng quy định (ví dụ: cho đóng góp an sinh xã hội); hoặc thiếu áp dụng luật và quy định trong thực tế. Trong trường hợp người lao động và người sử dụng lao động tự chủ, tình trạng lao động phi chính thức của công việc được xác định bởi tính chất khu vực phi chính thức của đơn vị kinh tế. Người sử dụng	Báo cáo <i>Giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương của nền kinh tế phi chính thức</i> (2019) của ILO và OECD ⁶

³ OECD/ILO (2019), *Tackling Vulnerability in the Informal Economy*, Development Centre Studies, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/939b7bcd-en>.

⁴ International Labour Organization (ILO), *Recommendation Concerning the Transition from the Informal to the Formal Economy*, 12 June 2015, R204. Adoption in 104th International Labour Conference in Geneva. Available at: https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:R204 (try cập ngày 10/01/2021).

⁵ OECD/ILO (2019), *Tackling Vulnerability in the Informal Economy*, Development Centre Studies, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/939b7bcd-en>. Annex A.

⁶ *Ibid*

STT	Định nghĩa phi chính thức	Nguồn
3	<p>lao động (có người làm thuê) và người lao động tự chủ (không có người làm thuê) được coi là phi chính thức khi các đơn vị kinh tế của họ thuộc khu vực phi chính thức.</p> <p>Tất cả những lao động giúp việc trong gia đình đều được phân loại là việc làm phi chính thức mà không phụ thuộc họ làm việc trong các đơn vị kinh tế thuộc khu vực chính thức hay không chính thức.</p>	
4	<p>Khu vực phi chính thức bao gồm các đơn vị kinh tế tham gia vào các hoạt động kinh doanh không chính thức hoặc các hoạt động tự cung tự cấp nhưng không hình thành pháp nhân.</p> <p>Trong đó, hoạt động kinh doanh không chính thức được hiểu là các hoạt động kinh doanh có chủ đích tránh các quy định pháp luật có liên quan và sự giám sát bởi các cơ quan quản lý dù mức thu nhập cao hơn mức lương sinh hoạt tối thiểu hoặc cao hơn ngưỡng tối thiểu phải đóng thuế.</p> <p>Các hoạt động tự cung tự cấp liên quan đến khối phi chính thức được hiểu là hoạt động kinh tế thực hiện bởi các cá nhân và thành viên gia đình nhằm nuôi sống bản thân và gia đình nhưng trốn tránh việc giám sát của các cơ quan quản lý theo quy định pháp luật dù thu nhập dưới ngưỡng đóng thuế tối thiểu bắt buộc theo quy định của pháp luật.</p>	ISO/IWA 19:2017(EN) của Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) ⁷
B	Việt Nam	
5	<p><i>Khu vực kinh tế phi chính thức</i> được định nghĩa là khu vực hoạt động của tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) không có tư cách pháp nhân, sản xuất ít nhất một hoặc một vài sản phẩm và dịch vụ để bán hoặc trao đổi, không đăng kí kinh doanh (không có giấy phép kinh doanh). Ở Việt Nam, các cơ sở SXKD hoạt động trong khu vực này chủ yếu là hộ sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp và các tổ hợp tác.</p>	
6	<p><i>Việc làm phi chính thức</i> được định nghĩa là việc làm không có bảo hiểm xã hội (đặc biệt là bảo hiểm xã hội bắt buộc) và không có hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên. Ở Việt Nam, hầu hết các việc làm thuộc khu vực Kinh tế phi chính thức được coi là việc làm phi chính thức.</p>	
7	<p><i>Lao động phi chính thức</i> được xác định là lao động có việc làm phi chính thức. Mỗi lao động chỉ được xác định trên một công việc chính (hay gọi là việc làm chính). Như vậy, lao động phi chính thức có thể được tìm thấy trong cả khu vực phi chính thức và ngoài khu vực phi chính thức.</p>	Báo cáo về Lao động phi chính thức do Tổng cục Thống kê Việt Nam phối hợp với ILO thực hiện năm 2016. ⁸ Đây cũng là báo cáo đầu tiên về lao động phi chính thức ở Việt Nam.

⁷ ISO/IWA 19:2017(EN) - *Guidance principles for the sustainable management of secondary metals*. Xem tại <https://www.iso.org/obp/ui/#iso:std:iso:iwa:19:ed-1:v1:en> (truy cập ngày 10/01/2021).

⁸ ILO/ Tổng cục Thống kê Việt Nam (2016). Báo cáo Lao động phi chính thức 2016. Xem tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_638334.pdf (truy cập ngày 10/01/2021).

Như vậy, điểm chung trong cách định nghĩa này đều coi việc không đăng ký hay không có tư cách pháp nhân là một trong những tiêu chuẩn chung để mô tả khối phi chính thức. Tuy nhiên, nếu áp dụng định nghĩa này để mô tả cho sự đa dạng của các nhóm phi chính thức đang hoạt động trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn và tái chế ở Việt Nam lại chưa đầy đủ. Ví dụ, các đơn vị hoạt động thu gom hay tái chế ở Việt Nam trong nhiều trường hợp vẫn đăng ký kinh doanh và có tư cách pháp nhân đầy đủ. Theo Quyết định 27/2018/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, ngành nghề bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại có mã số là 46697. Như vậy, trong cơ cấu nền kinh tế Việt Nam vẫn có sự góp mặt của ngành nghề này, Nhà nước vẫn thừa nhận nó là một ngành nghề kinh doanh chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Tuy nhiên, sự hoán đổi giữa trạng thái chính thức và phi chính thức trong thực tế khiến cho việc định nghĩa và nhận diện khối phi chính thức là vô cùng thách thức.

2. Nhận diện khối phi chính thức trong quản lý chất thải ở Việt Nam

Trong bài viết này, tình trạng “*không chính thức*” đề cập đến các cá nhân, nhóm hoặc thực thể tham gia tự phát vào việc thu gom và tái chế chất thải *nhằm theo đuổi lợi ích* trước tiên, không phải bản chất mục tiêu là hoạt động thu gom và tái chế chất thải. Tình trạng không chính thức cũng hàm ý cho việc chưa đăng ký, không có tổ chức, hoặc có đăng ký hoạt động hợp pháp nhưng sử dụng lao động không đăng ký và không hợp đồng.⁹

Khối phi chính thức rất đa dạng với nhiều tên gọi, phạm vi hoạt động và cách thức tổ chức khác nhau theo các khu vực khác nhau của Việt Nam. Bài viết này phân thành 3 nhóm chính tương ứng với vai trò của họ trong hoạt động quản lý chất thải rắn gồm thu gom - tổng hợp và phân loại - tái chế như sau:

Người thu gom là những người thu gom phế liệu, nhặt rác, thu mua lưu động (còn được gọi là đồng nát hay ve chai) các loại chất thải có thể tái chế từ các hộ gia đình, văn phòng, trường học, thùng rác, điểm trung chuyển rác hay tại các bãi chôn lấp. Người thu gom có thể làm việc độc lập hoặc phối hợp với những người thu gom chất thải tại các đơn vị chính thức. Họ cũng có thể làm việc trong các đơn vị dịch vụ có đăng ký (như trường hợp lao động tại tổ gom rác dân lập ở Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc tự do không đăng ký.

Người tổng hợp và phân loại (hay còn gọi là *Chủ bãi/ vựa phế liệu*) là những người gom lại phế liệu có thể tái chế từ người thu gom hoặc trực tiếp từ nguồn thải, sau đó phân loại để bán. Họ có thể mua rác tái chế từ những người đồng nát hoạt động độc lập hoặc tự tổ chức mạng lưới thu gom của riêng mình. Hoạt động của Chủ bãi có thể không đăng ký hoặc có đăng ký dưới dạng hộ kinh doanh cá thể hoặc doanh nghiệp.

Làng nghề tái chế là tập thể nhóm cùng sản xuất và kinh doanh một loại sản phẩm cụ thể bằng phương thức thủ công hoặc tiểu thủ công nghiệp ở quy mô làng xã mà tên gọi của sản phẩm này thường gắn liền với tên gọi của làng đã sản xuất ra chúng. Làng nghề tái chế đóng vai trò quan trọng trong việc khép kín chu trình vòng đời của một loại sản phẩm. Họ mua phế liệu từ đồng nát, Bãi phế liệu hoặc từ các nguồn nhập khẩu và tái chế chúng thành nguyên liệu thô để sản xuất tiếp hoặc sản phẩm hoàn chỉnh rồi bán trở lại thị trường. Hình thức hoạt động trong làng nghề rất đa dạng từ cá nhân, hộ gia đình hoặc doanh nghiệp, có thể hoạt động có đăng ký hoặc không đăng ký hoặc đăng ký dưới nhiều hình thức cùng lúc.

Lưu ý, hoạt động vận chuyển không được tách thành nhóm riêng do trong nhiều trường hợp được thực hiện như một phần hoạt động của một hoặc cả ba nhóm trên. Ví dụ, đồng nát tự vận chuyển phế liệu bán cho các chủ bãi hay một nhóm trong làng nghề chuyên làm công việc thu mua và vận chuyển (còn gọi là “đi chợ”) nhằm cung cấp nguyên liệu cho sản xuất như một hoạt động phân công lao động và hỗ trợ trong chuỗi hoạt động tái chế của làng nghề.

⁹ Định nghĩa này cũng được tác giả sử dụng trong báo cáo: *Phuong, N. H. (2020). Khung luật pháp, chính sách và thể chế quản trị rác thải nhựa đại dương ở Việt Nam. Bonn, Germany: IUCN Environmental Law Centre. 18p. Xem tại: https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/viet_nam_sccoping_study_vn_05112020.pdf*

3. Vai trò của khối phi chính thức trong quản lý chất thải ở Việt Nam

Tương tự như các quốc gia đang phát triển với hệ thống quản lý chất thải rắn chưa hoàn thiện, khối phi chính thức ở Việt Nam đã tạo được mối quan hệ cộng sinh trong việc chia sẻ gánh nặng quản lý chất thải rắn với khu vực chính thức lại vừa mưu sinh trên các khâu của quá trình xử lý chất thải. Mạng lưới hơn 4.000 người thu gom rác dân lập (được biết đến với tên gọi là “lực lượng thu gom rác dân lập”) thuộc 2.141 tổ rác dân lập đăng ký tại 24 quận, thu gom khoảng 70% lượng chất thải rắn đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực xung quanh.¹⁰ Tại Hà Nội, 799 “Bãi phế liệu” kết nối với mạng lưới hơn 10.000 “đồng nát” đã phân tách được khoảng 2.500 tấn phế liệu, tương đương với 30% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh mỗi ngày, cho tái chế.¹¹

Khối phi chính thức cũng thành công trong việc tạo dựng thói quen phân loại rác tại nhà cho người dân-điều mà hệ thống chính thức chưa thể thực hiện được dù đi kèm là cả khuyến khích lẫn chế tài phạt vi phạm hành chính lên tới 20 triệu đồng cho hành vi không phân loại rác.¹² Khảo sát ngẫu nhiên 212 hộ gia đình ở 4 quận tại Thành phố Hồ Chí Minh vào Tháng 4 năm 2016 cho thấy 64% tổng số hộ được khảo sát phân loại với mục đích là bán phế liệu, ít hơn 1% thay đổi hành vi của mình do hiểu được lợi ích từ việc phân loại chất thải rắn tại nguồn hoặc do theo dõi thông tin qua các phương tiện truyền thông.¹³ Trực tiếp chi trả bằng tiền mặt kèm theo dịch vụ tiện lợi tại nhà, điều mà không một dịch vụ chính thức nào hiện nay có thể cung cấp, khối phi chính thức đã tạo ra ảnh hưởng có ý nghĩa đặc biệt lớn đến hành vi phân loại rác thải, tuy nhiên, chỉ áp dụng đối với loại rác có giá trị.

Tham gia vào gần như tất cả các giai đoạn từ thu gom, phân loại, tổng hợp, vận chuyển, tái chế thành nguyên liệu thô hoặc hàng hoá bán lại ra thị trường hoặc xuất khẩu, mạng lưới không chính thức gồm đồng nát - Bãi phế liệu - Làng nghề đã tạo ra một nền kinh tế tuần hoàn trong quản lý chất thải ở Việt Nam. Một vòng đời mới của chất thải được tái sinh để tiếp tục làm đầu vào cho các ngành khác hoặc thành sản phẩm bán trên thị trường. Theo báo cáo của Viện Quy hoạch Đô thị Hà Nội, năm 2013, khoảng 18-22% lượng rác thải ở Hà Nội được tái chế, chủ yếu ở một số làng nghề của Hà Nội như Triều Khúc, Đa Hội hay Minh Khai.¹⁴ Đồ họa thông tin sau mô tả mô hình kinh tế “lai” giữa tuần hoàn và tuyến tính trong quản lý chất thải, trong đó, khối phi chính thức chiếm ưu thế trong vòng tuần hoàn còn khối chính thức ưu thế hơn trong tuyến tính.

Bên cạnh những đóng góp tích cực về môi trường, khối phi chính thức cũng có thể tác động xấu tới môi trường. Sự kết hợp của lao động chân tay như mang vác phế liệu bằng xe kéo tay, đạp xe đạp hay việc sử dụng động vật kéo xe, các phương tiện cỡ nhỏ như xe máy, máy kéo cỡ nhỏ không chỉ giúp tiết kiệm chi phí, tiết kiệm nhiên liệu mà còn giúp giảm phát thải.¹⁵

¹⁰ *Phuong, N. H. (2020). Khung luật pháp, chính sách và thể chế quản trị rác thải nhựa đại dương ở Việt Nam. Bonn, Germany: IUCN Environmental Law Centre. 18p. Xem tại: https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/viet_nam_sccoping_study_vn_05112020.pdf*

¹¹ *Ibid*

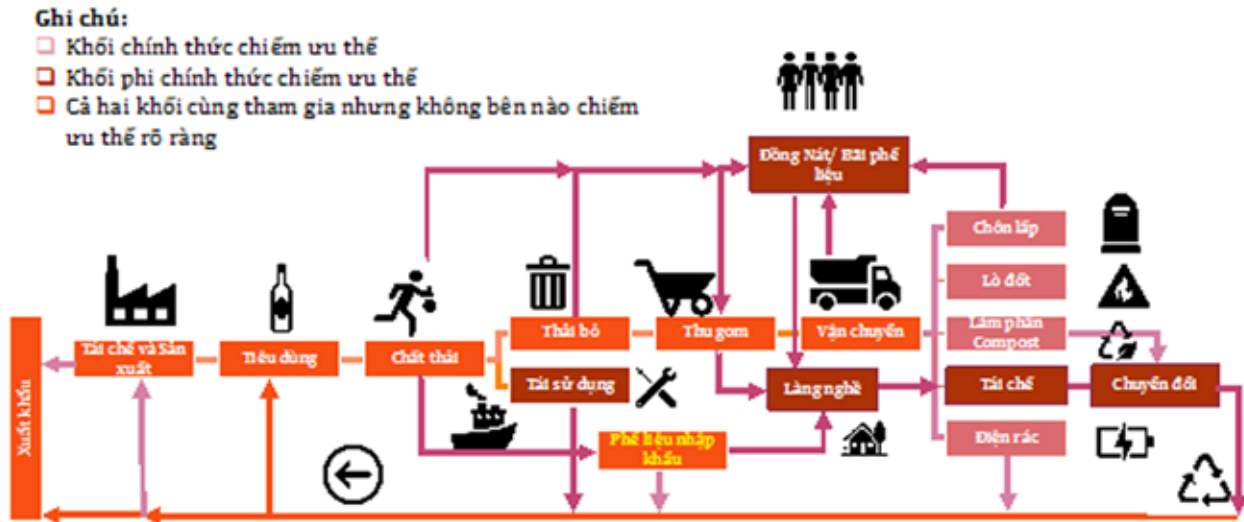
¹² *Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (155/2016/NĐ-CP; ngày 18/11/2016). Khoản 4 Điều 20.*

¹³ *Nguyễn Kim Thanh (2016). Mô hình thí điểm quản lý chất thải rắn theo hướng sử dụng nguồn tài nguyên bền vững. Solid waste management in Asia workshop in August 2016.*

¹⁴ *Nguyen Leroy, L. M. & Vuong Chi, C (2016). Solid Waste Typology and Management in Hanoi.*

¹⁵ *OECD (2016), Extended Producer Responsibility: Updated Guidance for Efficient Waste Management, OECD Publishing, Paris. <http://dx.doi.org/10.1787/9789264256385-en>.*

Mô hình kinh tế “lai” trong vòng đời của chất thải ở Việt Nam¹⁶



Tuy nhiên, việc “dễ dãi” với điều kiện lao động thấp cũng tiềm ẩn rủi ro tai nạn lao động cao. Thêm nữa, các hoạt động tháo dỡ và tái chế không đúng quy chuẩn cũng gây ô nhiễm môi trường và rủi ro cho sức khỏe người lao động. Khảo sát của tác giả trong giai đoạn cuối năm 2019 đến giữa 2020 ở một số làng nghề tái chế tại Bắc Ninh và Hưng Yên cho thấy phế liệu và rác nhập khẩu vẫn được tái chế tại làng nghề dù không đủ điều kiện và có giấy phép môi trường cho nhập khẩu phế liệu để tái chế. Nước thải, chất thải, khí thải từ hoạt động tái chế được xả thẳng ra môi trường mà không được xử lý.

Về mặt kinh tế, sự tham gia tích cực vào việc quản lý và tái chế chất thải là nguồn sinh kế dễ dàng cho cả những người lao động không có trình độ và không được đào tạo. Tuy nhiên, quy trình tái chế của khu vực phi chính thức tỏ ra rất kém hiệu quả trong việc thu hồi nguyên liệu. Ví dụ, việc tái chế thu hồi vàng từ các bản mạch điện tử có thể thu hồi tới 95% lượng vàng nhưng tái chế phi chính thức chỉ được khoảng 25-50%.¹⁷ Bên cạnh đó, các mạng lưới phi chính thức cũng liên quan đến các hoạt động “rửa” chất thải nhựa và phế liệu bất hợp pháp, hoặc trốn thuế, đặc biệt là tại các làng nghề tái chế.¹⁸ Một số chất thải y tế nguy hại có chứa máu, dịch lỏng... được bán cho các bãi phế liệu hoặc làng nghề. Việc tính toán doanh thu và áp thuế liên quan đến khối phi chính thức cũng là thách thức do dòng đầu ra - đầu vào có thể không được thể hiện trong các sổ sách kế toán. Mặc dù luật pháp quy định nếu hộ, cá nhân kinh doanh bán buôn phế liệu có doanh thu từ 100 triệu VNĐ/năm thì phải nộp thuế giá trị gia tăng, tuy nhiên trên thực tế khó có khả năng giám sát mà chủ yếu tính dựa trên con số tự kê khai.¹⁹ Một số lượng đáng kể túi ni-lông hiện được sản xuất bởi các hộ kinh doanh cá thể trong các làng nghề tái chế nhựa được bán ra thị trường nhưng không đóng thuế bảo vệ môi trường.²⁰

¹⁶ *Phuong, N. H. (2020). Khung luật pháp, chính sách và thể chế quản trị rác thải nhựa đại dương ở Việt Nam. Bonn, Germany: IUCN Environmental Law Centre. 18p. Xem tại: https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/viet_nam_sccoping_study_vn_05112020.pdf.*

¹⁷ *Ibid.*

¹⁸ *Phuong, N. H. (2020). Khung luật pháp, chính sách và thể chế quản trị rác thải nhựa đại dương ở Việt Nam. Bonn, Germany: IUCN Environmental Law Centre. 18p. Xem tại: https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/viet_nam_sccoping_study_vn_05112020.pdf.*

¹⁹ *Khoản 1 Điều 1 Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, bổ sung năm 2013.*

²⁰ *Phuong, N. H. (2020). Khung luật pháp, chính sách và thể chế quản trị rác thải nhựa đại dương ở Việt Nam. Bonn, Germany: IUCN Environmental Law Centre. 18p. Xem tại: https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/viet_nam_sccoping_study_vn_05112020.pdf.*

4. Suy nghĩ lại về khối phi chính thức ở Việt Nam

Phi chính thức là một đặc điểm phổ biến của nền kinh tế toàn cầu

Ước tính toàn cầu đầu tiên về quy mô của công việc phi chính thức do Tổ chức Lao động Thế giới (ILO) báo cáo năm 2018 cho thấy lao động phi chính thức chiếm tới 61% tổng số lao động trên toàn cầu, tương đương với 2 tỷ người, hoặc 50% tổng số lao động nếu không bao gồm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, và tồn tại ở tất cả các quốc gia bất kể trình độ phát triển kinh tế xã hội.²¹ Bằng chứng cho thấy hầu hết mọi người bước vào khu vực kinh tế phi chính thức không phải do lựa chọn, mà do hậu quả của việc thiếu cơ hội trong nền kinh tế chính thức và thiếu các phương tiện kiếm sống khác. Trong đó, mức phổ biến hơn ở các nước đang phát triển lên tới 90% tổng số lao động ở các nước đang phát triển, 67% ở các nước mới nổi, và 18% ở các nước đã phát triển.²²

Các công việc phi chính thức rất đa dạng, bao gồm người bán hàng rong, người thu gom rác thải, người làm công nhật, người lao động thời vụ, người giúp việc gia đình và người làm việc tại nhà (như nghề thủ công hoặc thuê khoán bởi các công ty chính thức). Riêng việc làm trong ngành quản lý và tái chế chất thải hiện đang có tổng số 19-24 triệu công nhân nhưng chỉ có 4 triệu làm việc chính thức.²³ Như vậy trung bình trên toàn cầu, số lượng lao động phi chính thức trong quản lý chất thải cao gấp 4-5 lần lao động chính thức và nếu tỷ lệ tái chế tăng lên, số lượng này cũng sẽ tiếp tục tăng theo.

Ở Việt Nam, báo cáo đầu tiên về Lao động phi chính thức do Tổng cục Thống kê Việt Nam phối hợp với ILO thực hiện năm 2016, mặc dù định nghĩa hẹp hơn so với định nghĩa toàn cầu của ILO, cho thấy Việt Nam có khoảng 18 triệu lao động phi chính thức, chiếm 57,2 % tổng số lao động phi hộ nông nghiệp. Nếu tính cả lao động trong khu vực hộ nông nghiệp, tỷ lệ lao động phi chính thức chiếm đến 78,6%. Xét trên tổng thể lao động có việc làm trong nền kinh tế, quy mô lao động có việc làm chính thức và lao động có việc làm phi chính thức đều có xu hướng tăng. Phần lớn lao động phi chính thức làm việc trong 3 nhóm ngành: “Công nghiệp chế biến, chế tạo”, “Xây dựng” và “Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy” với tỷ trọng chiếm tới gần 70% tổng số lao động phi chính thức. Tuy nhiên, lao động phi chính thức trong ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải cũng chiếm tới 30,7% ngành, tương đương 41,100 người.²⁴

Sự bất bình đẳng giữa lao động chính thức và lao động phi chính thức

Là lực lượng lao động chiếm đa số và cùng đóng góp cho sự phát triển nền kinh tế nhưng lao động phi chính thức đang chịu thiệt thòi hơn lao động chính thức về mọi phương diện. Trong khi mức lương trung bình của lao động chính thức là 5,7 triệu đồng/tháng thì lao động phi chính thức chỉ bằng hơn một nửa khoảng 4,4 triệu đồng/tháng trong khi số giờ lao động trung bình cao hơn 02 giờ.²⁵ 43,9% lao động phi chính thức được xếp vào nhóm lao động có việc làm dễ bị tổn thương trong khi chỉ có 14,0% lao động chính thức được xếp vào nhóm này. Trong khi chỉ có 1,7% lao động chính thức không được ký hợp đồng lao động thì có tới 62,1% lao động phi chính thức chỉ có hợp đồng thỏa thuận miệng và 14,6% không có bất cứ một thỏa thuận nào. Hầu hết lao động phi chính thức không có bảo hiểm xã hội (97,9%), trong khi đó, tỷ lệ lao động chính thức không có bảo hiểm xã hội bắt buộc chỉ có 19,5%.²⁶

²¹ ILO (2018). *Women and Men in the Informal Economy: A Statistical Picture Third Edition*. ILO Publications. Geneva.

²² *Ibid*

²³ International Labour Office (2013). *Sustainable development, decent work and green jobs. Report to the 102nd session of the International Labour Conference. Report V*. Available at https://www.ilo.org/ilc/ILCSessions/previous-sessions/102/reports/reports-submitted/WCMS_207370/lang-en/index.htm

²⁴ ILO/ Tổng cục Thống kê Việt Nam (2016). Báo cáo Lao động phi chính thức 2016. Xem tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_638334.pdf (truy cập ngày 10/01/2021).

²⁵ *Ibid*

²⁶ *Ibid*

COVID-19 đang khắc sâu thêm sự bất bình đẳng giữa lao động chính thức và phi chính thức trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn. Trong khi cộng đồng được hưởng lợi từ các dịch vụ quản lý chất thải cả chính thức và phi chính thức mang lại, thì những người làm việc trong khu vực phi chính thức đang phải đối mặt với rủi ro lớn hơn đối với sức khỏe và sinh kế của chính họ khi các quốc gia đóng cửa và nền kinh tế tăng trưởng chậm lại. Những người nhặt rác vốn không có điều kiện tiếp cận với các thiết bị bảo hộ lao động an toàn thì nay lại rủi ro hơn khi số lượng rác thải y tế tăng nhanh trộn lẫn trong dòng rác thải chung dẫn đến nguy cơ lây nhiễm cao. Rõ ràng, lao động phi chính thức và các đơn vị kinh tế của họ đang đóng góp vào sự phát triển kinh tế và xã hội chung nhưng lại không được bảo vệ, quản lý, hoặc thừa nhận giá trị. Điều này khiến họ và gia đình không được hưởng lợi từ chính sách công.

Ở Việt Nam, mặc dù Chính phủ đưa ra gói hỗ trợ 62.000 tỷ dành cho người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 một chính sách nhân văn chưa từng có tiền lệ nhằm hỗ trợ khẩn cấp cho những người gặp khó khăn - nhưng lao động phi chính thức gần như không được thụ hưởng. Theo Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 09/04/2020 thì người lao động không có giao kết hợp đồng (hay còn gọi là lao động tự do như người thu gom rác, đồng nát, bán hàng rong...) được hỗ trợ 1 triệu đồng/ người/ tháng, tối đa không quá 03 tháng, áp dụng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020.²⁷ Tuy nhiên, tính đến tháng 11 năm 2020, trên toàn quốc mới giải ngân được hơn 17.000 tỷ và chủ yếu cho 5 là nhóm người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội (vốn có sẵn danh sách, không cần rà soát) trong khi các nhóm còn lại chỉ đạt tỷ lệ 1%, thậm chí 0%.²⁸ COVID-19 đặt ra câu hỏi lớn cho các nhà làm luật về việc làm thế nào để cải thiện an toàn và sinh kế cho người lao động phi chính thức và những người phụ thuộc của họ - lực lượng lao động chính nhưng chưa được nhìn nhận và đánh giá một cách chính thức và đầy đủ.

Tương lai của khu vực phi chính thức trong Cơ chế Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)

EPR là cách tiếp cận của chính sách môi trường, trong đó trách nhiệm của nhà sản xuất được mở rộng đến giai đoạn sau tiêu dùng tính theo vòng đời của sản phẩm. EPR yêu cầu nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm thu gom, phân loại và tái chế, xử lý các sản phẩm và bao bì được họ đưa ra thị trường đã qua sử dụng hoặc bị thải bỏ. Việc áp dụng EPR ở các quốc gia có khối phi chính thức tham gia sâu vào quá trình quản lý và tái chế chất thải như ở Việt Nam sẽ tác động mạnh lên sinh kế của những người thu gom, chủ bãi phế liệu cũng như những người tái chế không chính thức. Vì là “miếng cơm, manh áo”, việc thực hiện EPR cần xem xét đến vai trò của khối phi chính thức để tránh bùng phát các xung đột xã hội liên quan đến tranh chấp các nguồn rác thải có giá trị – lúc này được coi là tài nguyên.

Như đã đề cập, dù hoạt động của khu vực phi chính thức có thể tác động xấu tới môi trường và hoạt động không hiệu quả bằng khu vực chính thức trong quá trình thu hồi nguyên vật liệu, họ lại rất hiệu quả trong việc thu gom, phân loại, tháo dỡ chất thải. Một vài nghiên cứu toàn cầu đã đưa ra các bằng chứng thuyết phục rằng khu vực phi chính thức tại các quốc gia thu nhập trung bình thu gom nhiều chất thải hơn khu vực chính thức khi cả hai hệ thống hoạt động song song. Nghiên cứu GIZ dựa trên Scheinberg et al. (2010a, 2007b) phân tích hoạt động thu gom rác thải tại sáu thành phố và phát hiện ra rằng không một hệ thống thu gom chính thức nào thu hồi được trên 13% tổng số lượng chất thải được tạo ra trong khi khu vực phi chính thức thu hồi được lên đến 30%.²⁹ Do đó, thách thức đặt ra là làm sao để tận dụng tối đa giá trị của họ trong khi giảm thiểu tối đa tác động xấu của nhóm này giúp cải thiện hiệu quả quản lý và tái chế chất thải.

²⁷ Nghị quyết về biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 do Chính phủ ban hành (42/NQ-CP; 09/04/2020). Mục II.4.

²⁸ Hải Triều (02/11/2020). Mới giải ngân được 17.500/62.000 tỷ đồng gói hỗ trợ dịch Covid-19. Xem tại http://congan.com.vn/tin-chinh/rui-ro-xuat-hien-bat-cu-dia-phuong-nao_102327.html (truy cập ngày 10/01/2021).

²⁹ OECD (2016), *Extended Producer Responsibility: Updated Guidance for Efficient Waste Management*, OECD Publishing, Paris. <http://dx.doi.org/10.1787/9789264256385-en>.

Một số cách tiếp cận can thiệp nhằm đưa khu vực phi chính thức vào EPR mà Việt Nam có thể tham khảo bao gồm:³⁰

- *Sự can thiệp dựa trên phúc lợi (Welfare-based interventions)*, đôi khi được gọi với cái tên hội nhập xã hội. Những sự can thiệp này tập trung vào các cá nhân, hộ gia đình tham gia vào hoạt động tái chế, và dựa trên giả thuyết rằng những người thu gom phế liệu là những nạn nhân, cần được xã hội giúp đỡ.
- *Sự can thiệp dựa trên quyền (rights-based interventions)*, bao gồm các tổ chức lao động. Những sự can thiệp loại này hỗ trợ khu vực phi chính thức để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, của người lao động và xây dựng những liên đoàn nhằm gia tăng sức mạnh cho các bảo đảm trên. Những người ủng hộ sự can thiệp loại này coi những người thu gom phế liệu là các công nhân. Sự thành lập các liên đoàn và hình thành hành lang pháp lý cho sự công nhận nghề nghiệp là mục tiêu hàng đầu của sự can thiệp dựa trên quyền lợi.
- *Sự hội nhập khu vực phi chính thức (informal sector integration)*, đôi khi cũng được gọi là tái chế bao trùm. Quá trình hòa nhập thường bao gồm một quy trình hai chiều giữa chuỗi dịch vụ và người tái chế phi chính thức, bao gồm một vài hình thức lưu trú và công nhận những người nhặt rác phi chính thức như thông qua các hợp đồng hoặc thỏa thuận chính thức, thẻ định danh, hoặc giấy phép. Quá trình hòa nhập thúc đẩy sự hình thành các tổ hợp tác hay các tổ chức kinh tế mà trong đó người tái chế phi chính thức được coi như các doanh nhân, hay các doanh nghiệp. Kết quả của sáng kiến này thường là sự thành lập các tổ chức tái chế bán chính thức hợp tác cùng với khu vực chính thức. Sự hòa nhập cũng có thể bao gồm các biện pháp hỗ trợ như giao kết các thỏa thuận chung để hợp pháp hóa các quan hệ kinh doanh, và tìm ra các lựa chọn để kế khai thuế cho các doanh nghiệp phi chính thức.
- *Sự chính thức hóa (Formalisation)* là khi khu vực phi chính thức chấp nhận tuân thủ pháp luật về Thuế, Doanh nghiệp, Thương mại, họ sẽ đăng ký thành lập doanh nghiệp. Bằng cách này, họ ở một địa vị cao hơn, cùng với đó là tăng thêm tri thức và kỹ năng.
- *Chuyên môn hóa và tiếp cận với tài chính doanh nghiệp (Professionalisation and access to financing)*. Phương án này nhằm hỗ trợ khu vực phi chính thức là các doanh nghiệp gia đình hoặc tổ chức tự chủ tài chính ở quy mô nhỏ không thể tiếp cận với các dịch vụ tài chính và kinh doanh do tình trạng dân tộc, xã hội hay nhập cư. Cách tiếp cận này dựa trên nhu cầu và đặc biệt phù hợp trong các trường hợp chuỗi giá trị tái chế và lợi ích từ tái chế ở đô thị nơi không có sự đối đầu căng thẳng giữa chính quyền địa phương và các nhà tái chế không chính thức. Trọng tâm của nó là nâng cao kiến thức, năng lực, kỹ năng kinh doanh và khả năng tiếp cận các nguồn nguyên liệu và tài chính. Cách tiếp cận này giúp nâng cao sự công nhận về nghề nghiệp, qua có thể giúp cải thiện khả năng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng vi mô và dòng tái chính kinh doanh.
- *Cách tiếp cận dựa trên các hoạt động của chuỗi giá trị B2B (Business to business)*. Cách tiếp cận này có thể thuộc các dạng hỗ trợ tài chính trước cho hàng tồn kho và/ hoặc cung cấp hạ tầng và thiết bị. Cách tiếp cận này hoạt động tốt nhất trong trường hợp chuỗi giá trị có liên kết mạnh như một cửa hàng phế liệu và người tiêu dùng cuối cùng hình thành đầu mối cho sự liên kết giữa người cung ứng và những người thu gom.

³⁰ *Ibid.*



Thu gom rác trên đường giao thông đô thị | Ảnh: MONRE

Tạm kết

Là lực lượng lao động chính trong xã hội nhưng gần như vai trò, địa vị và sự đóng góp của khu vực phi chính thức chưa được nhìn nhận và đánh giá công bằng. Hơn bao giờ hết, Việt Nam cần có những bức chân dung toàn diện về khu vực phi chính thức nhằm xác định các mối liên hệ phức tạp giữa hoạt động phi chính thức và quá trình phát triển, sự đa dạng của rủi ro và tính dễ bị tổn thương trong nền kinh tế phi chính thức, các biện pháp chính sách nhằm bảo vệ người lao động trong nền kinh tế phi chính thức cũng như tạo điều kiện cho họ và gia đình trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức.

Sự hiện đại hóa hệ thống quản lý chất thải tại ở Việt Nam đang đặt ra áp lực ngày càng tăng cho khối phi chính thức. Trong khi đó, quá trình chuyển đổi sang chính thức là một vấn đề phức tạp liên quan đến nhiều lĩnh vực chính sách như thúc đẩy việc đăng ký và cấp phép doanh nghiệp hay tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi và tăng cường sự tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan như thuế, an sinh xã hội và luật lao động. Tuy nhiên, không phải tất cả lao động và đơn vị kinh tế phi chính thức nào cũng có thể chính thức hóa trong ngắn hạn hoặc trung hạn. Do đó, các nhà làm luật cần có một lộ trình dài hơi, trong đó, cải thiện điều kiện sống và làm việc là bước cần thiết đầu tiên, tiếp đến là việc tháo gỡ các trở ngại và tạo ra một môi trường tạo điều kiện và khuyến khích quá trình chuyển đổi và chính thức hóa một cách dần dần. Địa vị kinh tế - xã hội của khu vực phi chính thức cần được cải thiện và nâng cao trong toàn bộ quá trình này mà việc đầu tiên là suy nghĩ lại về vai trò của khu vực phi chính thức trong nền kinh tế tuần hoàn chất thải rắn ở Việt Nam.



Nỗ lực giải quyết vấn đề rác thải nhựa tại thành phố Hà Nội

Là một trong những thành phố lớn nhất nước, đồng thời cũng được xem là “điểm nóng” về sự gia tăng các vấn đề liên quan đến rác thải nhựa, thành phố Hà Nội đã và đang có nhiều hoạt động tích cực để hạn chế và giải quyết tình trạng này. Cuộc phỏng vấn nhanh với **ThS. Nguyễn Thị Hương**, Trưởng phòng Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được thực hiện nhằm cung cấp thêm thông tin chi tiết về nội dung này.



Thưa bà, gần đây rác thải nhựa đang trở thành mối quan tâm chung của toàn xã hội, vậy thành phố Hà Nội đã có những chính sách gì để làm căn cứ kịp thời giải quyết vấn đề này?

Tại Việt Nam ước tính mỗi người dân sử dụng khoảng 30-40kg nhựa/năm, và là một trong bốn quốc gia phát sinh chất thải nhựa nhiều nhất tại châu Á. Riêng 2 thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi ngày có khoảng 80 tấn nhựa và túi ni-lông được thải ra môi trường. Số lượng bao bì nhựa và túi ni-lông được sử dụng ngày càng gia tăng ở Việt Nam, dẫn đến lượng thải bỏ cũng gia tăng dần theo từng năm. Tỷ lệ chất thải, bao bì, túi ni-lông không được tái sử dụng, phải chôn lấp chiếm khoảng 5-8%, tương đương khoảng 2,5 triệu tấn/năm.

Trước thực trạng đó, gần đây thành phố Hà Nội đã kịp thời ban hành nhiều văn bản nhằm tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa, như: Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 25/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về phòng, chống rác thải nhựa và túi ni-lông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và Văn bản số 4996/UBND-ĐT ngày 16/10/2020 của UBND thành phố Hà Nội về thực hiện các giải pháp giảm thiểu chất thải nhựa đối với các cơ quan hành chính nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành phố theo Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa.

Đây là 2 căn cứ pháp lý quan trọng, góp phần giải quyết vấn nạn rác thải nhựa của thành phố hiện nay và trong thời gian tới.

Xin bà khái quát một số hoạt động cụ thể mà thành phố đã triển khai trong thời gian qua?

Liên quan đến mục tiêu giảm chất thải nhựa, Hà Nội đã triển khai nhiều giải pháp thiết thực và bước đầu thu được một số kết quả tích cực như:



Thực hiện công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như truyền thanh, truyền hình, tọa đàm trực tuyến... nâng cao nhận thức cộng đồng về giảm thiểu chất thải nhựa, phân loại chất thải, chất thải nhựa; phối hợp các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội xây dựng phong trào, liên minh chống chất thải nhựa; vận động người dân, cộng đồng dân cư hạn chế hoặc không sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần (bao gồm túi ni-lông khó phân hủy, bao gói nhựa thực phẩm, chai lọ nhựa, ống hút, hộp xốp đựng thực phẩm, cốc và bộ đồ ăn...) để bảo vệ môi trường.



Không bố trí kinh phí cho các khoản chi trong cơ quan hành chính Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp để làm băng rôn, khẩu hiệu, chai, cốc, ống hút, bát, đĩa nhựa... dùng một lần tại công sở và trong các hội nghị, hội thảo, cuộc họp và ngày lễ, ngày kỷ niệm và các sự kiện khác; ưu tiên lựa chọn các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.



Đã và tiếp tục vận động các Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, chợ dân sinh, khách sạn, nhà hàng, quán nước, khu du lịch và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, du lịch... trên địa bàn cam kết giảm thiểu chất thải nhựa, hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng một lần hoặc thay thế bằng các sản phẩm thân thiện môi trường; không cung cấp miễn phí túi ni-lông cho khách hàng hoặc chuyển từ sử dụng túi ni-lông khó phân hủy sang các loại túi khác thân thiện với môi trường.



Triển khai thực hiện tập huấn việc phân loại chất thải tại nguồn; bố trí hoặc yêu cầu bố trí các thùng thu gom, phân loại rác sinh hoạt và rác thải nhựa; tổ chức tập huấn, hướng dẫn phân loại rác tại các công sở, trường học, cơ sở y tế và các khu vực công cộng như sân bay, bến tàu, bến xe, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ dân sinh, công viên, quảng trường, khu du lịch, danh lam thắng cảnh...

Xin bà chia sẻ một số kế hoạch và giải pháp cho vấn đề này của thành phố?

Trước tiên, chúng tôi đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm hoàn thiện chế định quản lý chất thải rắn trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) theo hướng coi chất thải và chất thải nhựa là tài nguyên; thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn; thực hiện tốt việc giảm thiểu, phân loại chất thải tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải (bao gồm chất thải nhựa). Cùng với đó, cần xây dựng tài liệu kỹ thuật hướng dẫn phân loại rác thải tại nguồn; Nghiên cứu, đề xuất cơ chế hạn chế sản xuất, tiêu dùng và có lộ trình cấm sản xuất, tiêu dùng một số sản phẩm nhựa dùng một lần theo Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa để UBND thành phố xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất các bao bì thân thiện với môi trường đặc biệt là doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ sản xuất bao bì tiêu dùng từ nhựa khó phân hủy sang chất liệu khác thân thiện với môi trường.

Về các giải pháp cụ thể, thành phố sẽ:



Triển khai thực hiện việc phân loại chất thải tại nguồn; bố trí hoặc yêu cầu bố trí các thùng thu gom, phân loại rác sinh hoạt và rác thải nhựa; tổ chức tập huấn, hướng dẫn phân loại rác tại các công sở, trường học, cơ sở y tế và các khu vực công cộng như sân bay, bến tàu, bến xe, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ dân sinh, công viên, quảng trường, khu du lịch, danh lam thắng cảnh...



Tăng cường năng lực, hiệu quả công tác thu gom, xử lý chất thải rắn; thực hiện thu gom và xử lý riêng các loại chất thải đã được phân loại (bao gồm cả chất thải nhựa). Thực hiện thu phí dịch vụ thu gom rác đối với các tiểu thương tại các chợ dân sinh truyền thống; Thiết lập điểm thu gom tập trung chất thải nhựa tái chế để đưa về Nhà máy xử lý tái chế chất thải nhựa. Thực hiện thu gom, phân loại chất thải trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, khu du lịch, điểm du lịch theo đúng quy định...



Điều tra, khảo sát đánh giá hiện trạng các cơ sở sản xuất nhựa trên địa bàn thành phố từ nguyên liệu đầu vào và công nghệ sản xuất để đánh giá các công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường và đề xuất thay đổi công nghệ, giải pháp thay thế; Nghiên cứu xây dựng tiêu chí và cơ chế đánh giá cơ sở thương mại, dịch vụ thân thiện môi trường về thay thế sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần;



Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập chuỗi liên minh liên kết giới thiệu các sản phẩm thân thiện với môi trường, thay thế các sản phẩm nhựa dùng một lần (cốc nhựa, ống hút...), túi ni-lông khó phân hủy, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, trừ sâu... hóa chất trong sản xuất nông nghiệp...; Tổ chức đào tạo, tập huấn tuyên truyền các sản phẩm trên các kênh truyền hình, báo chí để người tiêu dùng biết và sử dụng các cơ sở thương mại, đơn vị sản xuất trên địa bàn thành phố.



Xây dựng và hoàn thiện chính sách hỗ trợ và ưu đãi: Giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường; đề xuất danh mục dự án đầu tư sản xuất sản phẩm túi ni-lông, nhựa tái chế, bao gói, túi xách thân thiện với môi trường vào danh mục các dự án khuyến khích đầu tư xã hội hóa; hoạt động thu gom, tái chế, xử lý rác thải nhựa và túi ni-lông; hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất các bao bì thân thiện với môi trường;



Đánh giá tiềm năng và cơ chế hỗ trợ chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Nội định hướng theo mô hình nền kinh tế tuần hoàn (một trong những đặc điểm nổi bật của mô hình nền kinh tế tuần hoàn là hình thành chuỗi sản xuất khép kín không phát sinh rác thải. Trong đó, chất thải nhựa của doanh nghiệp này là nguyên liệu đầu vào sản xuất của doanh nghiệp khác); Đề xuất giải pháp tạo công ăn việc làm cho các đơn vị dùng hoặc chuyển đổi mô hình sản xuất bao bì dùng từ nhựa sang sản phẩm túi thân thiện với môi trường;



Khuyến khích đầu tư xã hội hóa và thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài trong việc đầu tư nhà máy thu gom tập trung và tái chế, xử lý chất thải nhựa.

Với các giải pháp đồng bộ và mang tính bền vững, chúng tôi tin tưởng vấn đề rác thải nhựa sẽ từng bước được giải quyết hiệu quả tại thành phố Hà Nội.

Xin cảm ơn bà đã chia sẻ thông tin!

Tâm sự của những người thu gom rác dân lập

Chú Nguyễn Văn Đe

Người thu gom rác dân lập

Quận 10

Thành phố Hồ Chí Minh



Chú làm nghề thu gom rác bao lâu rồi?

Chú đã làm nghề này được gần 26 năm.

Những khó khăn trong quá trình đi thu gom rác hằng ngày là gì?

Trước đây, nhiều hộ gia đình không chịu hợp tác, phí đổ rác có hai - ba chục ngàn, nhưng vẫn cố gắng mang ra ngoài đổ lung tung để khỏi đóng tiền rác hàng tháng. Người dân còn xem thường những người đổ rác như chú lắm.

Trình độ của những người đi thu gom rác như chú cũng thấp lắm, hiểu biết hạn chế nên rất khó khăn khi thuyết phục người dân hay chính quyền. Chú không nhận được bất kỳ hỗ trợ nào ngoài sự hỗ trợ của Enda Vietnam hơn 10 năm qua, nên đôi khi thấy rất tủi thân.

Nguồn thu nhập chính của người gom rác như chú là từ phí thu gom hàng tháng và ve chai (rác tái chế - PV) nhưng hiện nay giá bấp bênh, lên xuống thất thường do dịch bệnh, dẫn đến thu nhập không ổn định, phí thu gom dù được tăng nhưng cũng chưa triển khai đồng bộ nên chú và nhiều người khác vẫn bị ảnh hưởng.

Trong mùa dịch, chú và các cô/chú thu gom rác khác cũng phải đi làm, sợ dịch lắm chứ nhưng đâu ở nhà được. Ở nhà, rác ứ đọng là dân chửi, không chịu đóng tiền rác.

Người thu gom rác dân lập mình như con ghẻ vậy đó, không ai thương (trừ Enda). Đa phần người gom rác dân lập như chú không có hộ khẩu/KT3 ở thành phố nên đâu tiếp cận được các chương trình an sinh xã hội của thành phố.

Khi có thông tin thành phố yêu cầu chuyển đổi phương tiện thu gom, bên mình có gặp khó khăn gì không?

Thành phố Hồ Chí Minh bắt chuyển đổi phương tiện thu gom (thành xe tải - PV) nhưng tụi chú đâu làm được. Vì xe tải dù lớn hay nhỏ, làm sao đi vô hẻm mà thu gom được. Mà đa phần rác dân lập đi thu gom trong các con hẻm nhỏ và sâu... Hơn nữa, chú đâu có tiền mà chuyển đổi.

Anh em gặp khó khăn vì giá thành chuyển đổi phương tiện rất cao. Anh em làm một tháng thu nhập chỉ từ 6 đến 7 triệu để chi trả các chi phí thuê nhà này kia, nên việc chuyển đổi phương tiện dăm bảy chục triệu thì rất là khó. Họ không có khả năng để chuyển đổi. Khi chuyển đổi, nhà nước có hỗ trợ vay với lãi suất ưu đãi nhưng họ có khả năng trả hay không mới là vấn đề. Như chú là chịu chết luôn, không thể chuyển đổi đâu.

Phương tiện mình đang làm hiện giờ còn vô các hẻm, ngõ cụt được, còn các phương tiện mà Nhà nước đưa ra thì anh em không vào lấy được, rất bất tiện, mất thời gian nhiều và cũng không có khả năng để mua các phương tiện đó. Hơn nữa, bằng cấp đâu mà mua xe tải, tụi chú cũng không thể đi học, thi bằng lái đâu vì một năm phải đi làm 364 ngày rồi (chỉ nghỉ ngày đầu năm Tết âm lịch).

Chú và các cô/chú đó có nhận được hỗ trợ từ nguồn nào ngoài Nhà nước không?

Các cô chú đã nhận được hỗ trợ từ Enda Vietnam hơn 10 năm nay. Enda tặng đồ bảo hộ lao động hàng năm, hỗ trợ thẻ BHYT, BHTN... nói chung là lo an sinh xã hội cho tụi chú. Rồi Enda còn tập huấn, nâng cao năng lực, tập huấn về dịch bệnh, cách ăn nói, thành lập HTX nên chú dần dần hiểu biết hơn, an tâm hơn. Mùa dịch này may có Enda hỗ trợ cho gel, quần áo, khẩu trang, găng tay, ủng và kiến thức phòng tránh Covid-19. Mang bộ đồ có logo của HTX và Enda thấy tự hào lắm chứ.

Mới gần đây, khi HTX được thành lập, cũng kêu gọi được các nguồn tài trợ cũng như là Enda, tập huấn cho họ kỹ năng cơ bản, cách ăn nói, tiếp xúc với người dân để nâng giá thành thu gom của mình lên sao cho nó hợp lý một chút.

Enda còn tổ chức những hội thảo cho người gom rác dân lập tiếp cận với Sở Tài nguyên và Môi trường, với Ủy ban nhân dân thành phố nên tiếng nói của người gom rác được lắng nghe nhiều hơn. Thành phố cũng bắt đầu có những hỗ trợ, nghe đâu từ năm 2021, thành phố sẽ hỗ trợ BHYT cho người gom rác dân lập có KT3/hộ khẩu thành phố.

Khi mình có HTX, tiếng nói mình được nâng cao với cộng đồng, với chính quyền. Cộng đồng không còn xem thường người làm rác như chú nữa. Và chú cũng thấy tự hào vì mình đã đóng góp một phần vào bảo vệ môi trường, bảo vệ sự xanh sạch đẹp cho thành phố.

Chú có đề xuất, kiến nghị gì cho chính quyền, cộng đồng?

Chú mong muốn chính quyền đưa ra một mức giá thu gom rác hợp lý cho tất cả các quận.

Chính quyền nên tạo điều kiện để anh em chuyển đổi phương tiện, với giá thành hợp lý một chút. Hoặc không thì để anh em làm rác tiếp tục dùng phương tiện xe lôi (xe tự chế) như hiện tại và đảm bảo vệ sinh để đi thu gom trong các con hẻm nhỏ được thuận lợi.

Chú cũng mong chính quyền hằng năm cấp 1 đến 2 bộ đồ bảo hộ lao động và đặc biệt là BHYT cho người gom rác dân lập, vì họ không có đủ tiền mua, theo luật phải mua cho cả hộ gia đình mà mỗi hộ rất đông, 5 - 7 người thì tiền đâu mà mua.

Mong người dân chấp hành nghiêm túc việc đổ rác và trả tiền rác đúng quy định để anh em đỡ vất vả và đặc biệt là mong các tổ chức như Enda ở lâu lâu hay suốt đời luôn với chú, với người làm rác dân lập vì nếu không có Enda chắc tụi chú không được nề nếp như bây giờ.

Cảm ơn chú đã tham gia phỏng vấn và vì những gì chú đã làm cho công cuộc giữ sạch thành phố!

Chị Cái Thị Thuỳ Nương

Người thu gom rác dân lập

Quận Thủ Đức

Thành phố Hồ Chí Minh



Chị cảm nghĩ thế nào khi tham gia vào việc thu gom và tái chế rác cho thành phố?

Chị đã làm cái nghề này 23-24 năm rồi, cái nghề mà suốt ngày bán mặt cho rác, bán lưng cho trời, một cái nghề mà không được đánh giá cao trước đây. Nay thì mọi người nhìn nhận nghề này tốt hơn rồi, cũng vui đó chứ. Thử hỏi một ngày thành phố không có những người đi thu gom và tái chế rác như chị thì sẽ thế nào, có được sạch sẽ vậy không? Nói chung là cũng có đôi lúc thấy buồn nhưng chị tự hào vì cũng đã nuôi nấng con chị từ nghề rác này. Ngoài ra, mình còn góp phần gìn giữ sạch, đẹp cho thành phố.

Những khó khăn trong quá trình đi thu gom rác hằng ngày là gì?

Chị đã bị tai nạn mấy lần trong quá trình thu gom rác đó, vì cái nghề này tiềm ẩn những rủi ro cao, có lúc dẫm lên những vật sắc nhọn chảy máu quá trời, phải đi khâu hay băng bó. Trước đây, đứa con trai của chị cảm thấy xấu hổ vì mẹ làm nghề rác, nhưng giờ nó hiểu ra và tự hào về mẹ nó rồi.

Chị là một người phụ nữ mà làm công việc nặng nhọc này thì vất vả lắm, nhưng chị làm được hết, chị tự đi thu gom rác, tự lái xe, tự bung bê những thùng rác nặng... Hơn nữa, tụi chị là người gom rác dân lập nên đâu được các chế độ như ngày phép, thai sản, độc hại như công nhân của công ty công ích.

Chị phải đi làm từ rất sớm để cho kịp giờ cấm xe ra đường, nên đôi khi đi làm mà buồn ngủ dễ sợ luôn, phải tấp xe vào lề đường ngủ chút xíu cho qua cơn thèm ngủ rồi mới làm tiếp.

Khó khăn lớn nhất của chị và các cô chú thu gom rác dân lập là chuyện xe thu gom rác. Không hiểu sao thành phố cứ bắt phải đổi xe tải 2-5 tấn, nhưng chị nghĩ xe như hiện tại là thuận tiện nhất, mình có thể đi vào những con hẻm nhỏ, nếu bắt buộc phải đổi xe tải thì chị nghĩ khoảng 5-10% người làm rác dân lập có khả năng thôi.

Thêm nữa, giá cả ve chai hiện nay rất bấp bênh nên thu nhập của chị giảm đi đáng kể. Dịch Co-vy càng làm mình lo lắng. May có tổ chức hỗ trợ các đồ dùng bảo hộ lao động và khẩu trang, anh chị em cũng mừng lắm.

Có bao giờ chị nghĩ mình không làm nghề gom rác nữa mà chuyển qua làm nghề khác không?

Trước đây, đôi khi chị cũng có suy nghĩ đó khi bị cộng đồng xem thường công việc của mình, nhưng mình đâu có trình độ cao hay bằng cấp gì mà đi xin việc nơi khác. Và lại, làm lâu nên đâm ra cũng yêu nghề và gắn bó.

Trước đây, đi làm một cách mạnh ai nấy cày, không có HTX gì. Còn hiện tại, chị đã tham gia HTX, được bảo vệ một số quyền lợi và thấy mình cũng có tổ chức như ai. Hơn nữa, nghề này đã chọn mình rồi (cười lớn) nên chắc chị sẽ làm đến lúc sức khoẻ yếu đi, không làm nổi nữa mới thôi. Nghề này đã nuôi sống chị và gia đình, thấy vậy thôi chứ quan trọng lắm và chị tự hào mình làm một công việc có ích cho gia đình, xã hội và góp phần bảo vệ môi trường. Chị tự hào vì mình tự kiếm ra tiền cho mình, cho con và gia đình mình.

Hiện nay chị có tầm 1.000 hộ để đi thu gom rác, chị làm một mình không nổi vì nay mình già rồi, nên có rủ thêm người làm chung để đỡ dần bớt những nặng nhọc.

Chị thấy rác thải nhựa hiện nay thế nào?

Gần đây, lượng túi ni-lông tăng kinh khủng, đặc biệt trong mùa dịch này càng nhiều hơn. Trước đây, khi Trung Quốc còn nhập khẩu thì giá cao nên tụi chị lượm hết để bán, nhưng giờ giá thấp lắm và vừa ve chai chỉ mua túi sạch thôi nên hầu như túi ni-lông ra bãi chôn lấp hay trôi nổi trên sông, ô nhiễm lắm. Riêng chị, mỗi ngày thu gom được từ 10-13kg nhựa các loại để bán cho vừa ve chai.

Những trăn trở hay suy tư của chị trong tương lai?

Nghề gom rác này vất vả và tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là phụ nữ. Chị mong các cấp chính quyền quan tâm, có những chính sách phù hợp để hỗ trợ an sinh xã hội, đặc biệt là thai sản cho phụ nữ dù bên gom rác dân lập không thuộc công ty công ích. Enda đã hỗ trợ rất nhiều nhưng vẫn chưa đủ, cần được quan tâm nhiều hơn từ các cấp chính quyền.

Thành phố nên cho người gom rác dân lập dùng xe thu gom như hiện tại vì phù hợp với điều kiện tài chính của người gom rác dân lập và đáp ứng việc thu gom trong các con hẻm nhỏ, xe tải làm sao quay đầu trong đó, dùng đồ trước nhà dân hay ngoài đường chính cũng không được phép.

Cảm ơn chị đã tham gia phỏng vấn. Xin chúc chị và các anh, chị gom rác dân lập nhiều sức khỏe và sớm nhận được nhiều hỗ trợ xứng đáng!

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Địa chỉ: 80B Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 024-39423346 - Fax: 024-38224784

Email: nxbgvtv@fpt.vn

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ VAI TRÒ CỦA KHỐI PHI CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung:

Giám đốc, Tổng biên tập: NGUYỄN MINH NHẬT

Biên tập:

DƯƠNG HỒNG HẠNH

Đối tác liên kết:

Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Hoàng Minh

Địa chỉ: Số 18/79 Ngõ Thổ Quan, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Hà Nội

In 1.500 cuốn, khổ A4, tại Công ty TNHH In thương mại Đức Huy

Địa chỉ: 17/32 An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 852-2021/CXBIPH/4-21/GTVT

Mã ISBN: 978-604-76-2378-5

Quyết định xuất bản số: 19 LK/QĐ-XBGT. Cấp ngày 16 tháng 03 năm 2021

In xong nộp lưu chiểu năm 2021



*Lực lượng dân lập thu gom rác có thể tái chế tại bãi rác Cẩm Hà, Hội An, tỉnh Quảng Nam
Ảnh: IUCN Việt Nam*



Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (ISONRE)

Số 479, Đường Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam

Tel: +8424 37931627 | **Fax:** +8424 37931730

Web: www.isponre.gov.vn



Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN)

Tầng 1, nhà 2A, Khu ngoại giao đoàn Vạn Phúc

298 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Tel: +8424 37261575/6 | **Fax:** +8424 37261561

Web: www.iucn.org/vietnam

ISBN: 978-604-76-2378-5



NOT FOR SALE